

UBND TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NHẪM  
TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP  
NƯỚC NGOÀI Ở TỈNH NINH BÌNH

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. PHẠM THỊ HƯƠNG  
Đơn vị: KHOA KINH TẾ

NINH BÌNH, 2024

UBND TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NHẪM  
TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP  
NƯỚC NGOÀI Ở TỈNH NINH BÌNH

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. PHẠM THỊ HƯƠNG

Đơn vị: KHOA KINH TẾ

Các thành viên: ThS. ĐỖ THỊ THỦY

ThS. NGUYỄN HẢI BIÊN

ThS. NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

ThS. PHẠM THỊ KHÁNH QUỲNH

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

NINH BÌNH, 2024

# MỤC LỤC

## MỤC LỤC

|   |     |
|---|-----|
| THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....   | v   |
| MỞ ĐẦU .....  | vi  |
| 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài .....   | vi  |
| 2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN.....   | vii |
| 3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN.....   | x   |
| 4. Đối tượng nghiên cứu .....   | x   |
| 5. Phạm vi nghiên cứu.....  | x   |
| 6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....   | x   |
| Chương 1- CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI .....   | 1   |
| 1.1. Cơ sở lý luận về môi trường đầu tư để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài .....  | 1   |
| 1.1.1. Khái niệm môi trường đầu tư .....  | 1   |
| 1.1.2. Các yếu tố cấu thành của môi trường đầu tư.....  | 2   |
| 1.2. Lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài.....  | 9   |
| 1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài.....   | 9   |
| 1.2.2. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài.....   | 12  |
| 1.3. Mối tương quan giữa môi trường đầu tư với khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài .....   | 18  |
| 1.3.1. Vai trò của môi trường đầu tư với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài .....  | 18  |
| 1.3.2. Ảnh hưởng của môi trường đầu tư tới thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ...  | 21  |
| 1.3.3. Bài học kinh nghiệm về cải thiện môi trường đầu tư để tăng cường khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số địa phương ở Việt Nam ..... | 23  |
| Chương 2 - THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THU HÚT FDI Ở TỈNH NINH BÌNH .....   | 33  |
| 2.1. Đặc điểm của môi trường đầu tư trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Ninh Bình .....  | 33  |
| 2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội .....   | 33  |
| 2.1.2. Cải cách thủ tục hành chính và các chính sách thu hút.....   | 40  |
| 2.1.3. Công tác vận động, xúc tiến đầu tư.....  | 45  |
| 2.1.4. Xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh .....  | 48  |
| 2.2. Kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2018 - 2022.....  | 51  |
| 2.2.1. Tốc độ tăng các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài .....  | 51  |

|  |    |
|--|----|
| 2.2.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Ninh Bình phân theo lĩnh vực, đối tác và hình thức đầu tư.....                                      | 52 |
| 2.2.3. Những đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình .....                          | 54 |
| 2.2.4. Đánh giá tác động của môi trường đầu tư đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình.....                               | 56 |
| Chương 3 - PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở TỈNH NINH BÌNH ..... | 59 |
| 3.1. Phương hướng, mục tiêu hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình .....        | 59 |
| 3.2. Các giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình .....                 | 64 |
| 3.2.1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành nhằm cải cách thủ hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh. ....          | 64 |
| 3.2.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng .....                         | 65 |
| 3.2.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.....   | 65 |
| 3.2.4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư.....  | 66 |
| 3.2.5. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư .....  | 69 |
| KẾT LUẬN .....   | 70 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO .....   | 71 |

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

|   |    |
|---|----|
| Bảng 2.1 : Tổng hợp kết quả chỉ số PCI tỉnh Ninh Bình 2018-2022 ..... | 48 |
| Bảng 2.2. Vốn thực hiện FDI giai đoạn 2018 – 2022.....                | 51 |
| Bảng 2.3. Số dự án FDI mới giai đoạn 2018 – 2022.....                 | 53 |
| Bảng 2.4. Thu hút FDI theo đối tác đầu tư .....                       | 54 |

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|                  |                                       |
|------------------|---------------------------------------|
| FDI              | Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài       |
| ODA              | Vốn viện trợ phát triển chính thức    |
| IMF              | Quỹ tiền tệ quốc tế                   |
| WB               | Ngân hàng thế giới                    |
| OECD             | Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế |
| ĐTNN             | Đầu tư nước ngoài                     |
| DNLD             | Doanh nghiệp liên doanh               |
| FTA              | Hiệp định thương mại tự do            |
| AEC              | Cộng đồng kinh tế ASEAN               |
| MNC <sub>s</sub> | Nhà đầu tư lớn                        |
| KT – XH          | Kinh tế - Xã hội                      |
| BOT              | Xây dựng – Vận hành – Chuyển giao     |
| BTO              | Xây dựng – Chuyển giao – Vận hành     |
| BT               | Xây dựng – Chuyển giao                |
| TNHH             | Trách nhiệm hữu hạn                   |

## **THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**1. Tên đề tài:** Hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình.

### **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Phân tích thực trạng môi trường đầu tư với việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình.

Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Ninh Bình

### **3. Kết quả nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng môi trường nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng nâng cao chất lượng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Khuyến nghị hệ thống các giải pháp có tính khả thi về cải thiện môi trường đầu tư, để nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Ninh Bình trong thời gian tới.

### **4. Đóng góp về mặt Giáo dục và đào tạo, Kinh tế - xã hội**

#### **Giáo dục và đào tạo**

Nghiên cứu là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên, sinh viên Khoa Kinh tế trường Đại học Hoa Lư muốn nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan đến môi trường đầu tư và đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI.

#### **Kinh tế - xã hội**

Đề tài cung cấp thông tin liên quan đến các vấn đề về môi trường đầu tư và đầu tư trực tiếp nước ngoài cho những đối tượng quan tâm.

Đề tài có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan nghiên cứu, hoạch định chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài tại địa phương.



## MỞ ĐẦU

### 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

- Đỗ Thị Hương (2016), *Hoàn thiện môi trường đầu tư để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thanh Hóa, luận văn thạc sỹ quản lý kinh tế*. Bài viết đề cập tới một số vấn đề lý luận về môi trường đầu tư để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, kinh nghiệm về cải thiện môi trường đầu tư của một số địa phương ở Việt Nam, phân tích và đánh giá thực trạng môi trường đầu tư kinh doanh trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thanh Hóa, từ đó đề ra giải pháp nhằm hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thanh Hóa trong thời gian tới.

- Nguyễn Quỳnh Thơ (2017), *Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, luận án tiến sỹ kinh tế*. Tác giả đã đưa ra hai mục tiêu cơ bản để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: (1) thay đổi định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, không thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tràn lan mà cần có sự sàng lọc các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các ngành chiến lược, của các đối tác chiến lược và (2) nâng cao nội lực hấp thu của nền kinh tế để làm cơ sở mở rộng ngưỡng. Trên cơ sở các mục tiêu này, tác giả đã đề xuất sáu giải pháp và phân tích trên khía cạnh sự cần thiết và các biện pháp thực thi cụ thể, đó là: (1) hoàn thiện và thực thi hệ thống chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nâng cao; (2) đẩy mạnh liên kết doanh nghiệp trong và ngoài nước; (3) xây dựng quy hoạch ngành, vùng kinh tế; (4) hoàn thiện và thực thi chính sách hạn chế tác động tiêu cực của đầu tư trực tiếp nước ngoài; (5) hoàn thiện cơ chế quản lý và phân cấp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; (6) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Nguyễn Thị Tuệ Anh (2015), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: Thực trạng, hiệu quả điều chỉnh chính sách* đã phân tích và đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài như sau: (1) Điều chỉnh và hoàn thiện khung chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: xác định và thống nhất cách tiếp cận điều chỉnh chính sách ưu tiên chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài nhưng vẫn coi trọng số lượng, điều

chính khung chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài, xác định rõ các bộ phận cấu thành của chính sách, đảm bảo mối quan hệ bổ sung cho nhau giữa các bộ phận chính sách nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng điều chỉnh; (2) Điều chỉnh nội dung chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: hoàn thiện khuôn khổ luật pháp đầu tư trực tiếp nước ngoài, điều chỉnh và quy định cụ thể, chi tiết những lĩnh vực khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và các ưu đãi đầu tư, điều chỉnh chính sách phát triển khu công nghiệp theo hướng ưu tiên hình thành các cụm ngành, tạo điều kiện cho liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước, qua đó thiết lập mối quan hệ cung ứng sản xuất giữa các khu công nghiệp và tăng hiệu quả của đầu tư trực tiếp nước ngoài; các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi giá trị của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, rà soát điều chỉnh các chính sách đang kìm hãm, cản trở thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; tăng cường năng lực cơ quan quản lý đầu tư nước ngoài, tiếp tục thực hiện phân cấp nhưng đảm bảo tính tập trung, cải tiến mạnh khâu giám sát và xử lý các vấn đề sau cấp phép đầu tư; tăng cường năng lực và đổi mới cách thức hoạt động xúc tiến đầu tư, hài hòa lợi ích quốc gia, nhà đầu tư và xã hội.

Nhìn chung, các tác giả đã nghiên cứu môi trường đầu tư ở nhiều góc độ khác nhau, như: khái niệm về môi trường đầu tư, vai trò, tác động của nó đến đầu tư trực tiếp nước ngoài, nghiên cứu thực trạng môi trường đầu tư ở Việt Nam nói chung và một số địa phương nói riêng. Trên cơ sở những nghiên cứu của mình, các tác giả đã chỉ ra những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân hạn chế, để từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm cải thiện môi trường đầu tư.

## **2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn lực quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, cùng với nguồn lực trong nước tạo nên sức mạnh tổng hợp để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần tái cơ cấu nền kinh tế, tăng năng lực sản xuất của một số ngành, nâng cao trình độ quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

Tại Ninh Bình, sau gần 30 năm tái lập tỉnh, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh đã phát triển vượt bậc, đạt mức khá trong khu vực và nổi trội hơn so với các tỉnh tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội.

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trở thành một trong những nguồn lực quan trọng tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, nâng cao trình độ, năng lực sản xuất, tăng thu ngân sách nhà nước cho địa phương, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng.

Từ trước năm 2005, Ninh Bình chỉ thu hút được 13 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đạt trên 88 triệu USD. Mặc dù tỉnh đã tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả, song đến nay chỉ còn Nhà máy sản xuất may mặc Tech Textile của Công ty TNHH Tech Textile hoạt động nhưng hiệu quả sản xuất, kinh doanh không thực sự cao.

Sở dĩ hoạt động của các doanh nghiệp không như mong muốn bởi thời kỳ đầu khi đất nước mở cửa hội nhập kinh tế, điều kiện nhìn chung còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng, xã hội hạn chế, các chính sách thu hút đầu tư còn chưa thực sự thông thoáng, trong khi đó, năng lực doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài thấp.

Từ năm 2006 trở đi, khi Luật Đầu tư năm 2005 chính thức có hiệu lực, hoạt động xúc tiến đầu tư đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Ninh Bình có nhiều khởi sắc. Tỉnh đã có những cách làm mới, sáng tạo trong xúc tiến và thu hút đầu tư. Đánh dấu mốc trong bước tiến thu hút đầu tư của tỉnh là năm 2012, tỉnh đã tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư với quan điểm chủ đạo, xuyên suốt là "Ninh Bình - Hội nhập và phát triển bền vững" để quảng bá, giới thiệu hình ảnh, chính sách thu hút, hỗ trợ đầu tư của tỉnh tới đông đảo các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Đồng thời UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, trong đó đề cập đến nhiều nội dung chủ yếu như: Giải quyết thủ tục hành chính, ưu đãi cho thuê đất, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao... Đây được xem là tiền đề quan trọng để Ninh Bình xây dựng và triển khai các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Với việc tiếp tục tăng cường công tác thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm tạo hành lang thông thoáng, an toàn cho doanh nghiệp đầu tư tại tỉnh và tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính đã phát huy hiệu quả tốt, tỉnh Ninh Bình đã nhận được sự quan tâm rất lớn của nhiều nhà đầu tư về khảo sát và tìm hiểu cơ hội đầu tư cũng như tiến hành đăng ký đầu tư. Trong giai đoạn 2018 - 2022, tỉnh Ninh Bình có 42 dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới với tổng số vốn đăng ký là 395.57 triệu USD. Việc thực hiện thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cơ quan đăng ký đầu tư xem xét, xử lý phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan đồng thời đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư chủ yếu đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan đầu tư vào các lĩnh vực phụ trợ cho ngành sản xuất, lắp ráp ô tô, linh kiện điện tử, điện áp mái,...

Đến nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có 93 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hoạt động với tổng mức đầu tư đăng ký đạt 1.578,82 triệu USD, gồm: 62 dự án ngoài các khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư 975,86 triệu USD; 31 dự án trong khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư 602,96 triệu USD. Diện tích sử dụng đất của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài 605,04 ha; bình quân 6,51 ha/dự án. Giải quyết việc làm cho hơn 60.000 lao động với mức lương bình quân 7 triệu đồng/người/tháng. Nộp ngân sách 24,24 triệu USD năm 2022. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 65/93 dự án đã đi vào hoạt động, 19 dự án đang trong quá trình đầu tư xây dựng và 9 dự án chậm tiến độ; các dự án cơ bản tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động.

Nhìn chung, các dự án đầu tư nước ngoài triển khai tương đối hiệu quả; góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương, tạo sản phẩm, tăng giá trị xuất nhập khẩu, nộp ngân sách và phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh. Sau khoảng thời gian bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid – 19, các nhà đầu tư đã tích cực huy động mọi nguồn lực để triển khai thực hiện dự án, đưa tổng vốn thực hiện tăng đáng kể qua các năm. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh có sự tăng

trường trong giai đoạn 2018-2022. Theo báo cáo của các doanh nghiệp thì tổng doanh thu từ hoạt động đầu tư nước ngoài toàn tỉnh tăng đều qua các năm; cùng với đó, hoạt động xuất nhập khẩu cũng có dấu hiệu phục hồi và tăng nhẹ.

Để làm rõ các vấn đề lý luận về môi trường đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhất là các yếu tố tác động đến môi trường đầu tư thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; đồng thời đánh giá đúng thực trạng môi trường đầu tư của tỉnh, phân tích xác định, làm rõ các yếu tố tác động đến môi trường đầu tư; từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong thời gian tới là thực sự cần thiết.

### **3. Mục tiêu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Phân tích thực trạng môi trường đầu tư với việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Ninh Bình.

### **4. Đối tượng nghiên cứu:**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là môi trường đầu tư trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

### **5. Phạm vi nghiên cứu**

*Phạm vi về không gian:* Tỉnh Ninh Bình, cụ thể là các doanh nghiệp FDI, các nhà đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến FDI.

*Phạm vi về thời gian:* Từ 2018 đến 2022

### **6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

#### **6.1. Cách tiếp cận**

Lý thuyết – Thực trạng – Giải pháp

#### **6.2. Phương pháp nghiên cứu:**

- + Phương pháp phân tích, tổng hợp
- + Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, thu thập thông tin, tổng kết thực tiễn địa phương.

# **Chương 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI**

## **1.1. Cơ sở lý luận về môi trường đầu tư để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài**

### **1.1.1. Khái niệm môi trường đầu tư**

Khái niệm môi trường đầu tư được nghiên cứu và xem xét theo nhiều khía cạnh khác nhau tùy theo mục đích, phạm vi, đối tượng nghiên cứu. Mỗi nghiên cứu lại có góc độ tiếp cận và mục tiêu nghiên cứu riêng nên cách hiểu và diễn đạt khái niệm môi trường đầu tư là rất phong phú, do đó việc tìm ra một khái niệm có tính phổ quát, đại diện chung cho mọi tình huống là rất khó khả thi. Tổng hợp những điểm chung từ các nghiên cứu trước đây cho thấy có ba góc độ tiếp cận môi trường đầu tư.

Ở góc độ thứ nhất, các khái niệm nhấn mạnh đến quá trình kiểm soát và mục tiêu của các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý.

Ở góc độ thứ hai, khái niệm nhấn mạnh vào hành vi, động cơ của nhà đầu tư. Ngoài ra, một số nghiên cứu lại dung hòa cả hai cách tiếp cận trên, môi trường đầu tư được tiếp cận trên góc độ của chủ thể tiếp nhận đầu tư và chủ thể thực hiện đầu tư. Nghĩa là, môi trường đầu tư là tổng hòa các yếu tố có ảnh hưởng đến công cuộc kinh doanh của các nhà đầu tư và phát triển kinh tế xã hội tại nơi tiếp nhận đầu tư như chính trị, chính sách, địa lý, tự nhiên, dân số và cơ sở hạ tầng do trình độ của nền kinh tế quy định.

Một quan điểm khác cho rằng, môi trường đầu tư được hiểu là tổng hòa các yếu tố của nước nhận đầu tư có ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển kinh tế. Môi trường đầu tư là một phức hợp của nhiều yếu tố mang những đặc trưng riêng của một vùng cụ thể và tạo ra những tác động đối với sự phát triển.

Ngoài ra, môi trường đầu tư là tập hợp các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp, tại nơi doanh nghiệp đang hoạt động hoặc dự kiến sẽ đầu tư, chúng tạo ra lợi thế hoặc khó khăn cho tiến trình thực hiện và vận hành hoạt động đầu tư và do đó, nó có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư dự kiến của doanh nghiệp.

Quan điểm của tác giả cho rằng, môi trường đầu tư là tổng hòa các yếu tố thuộc về đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của một địa phương, có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp

### **1.1.2. Các yếu tố cấu thành của môi trường đầu tư**

*Một là, môi trường pháp lý, các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và thủ tục hành chính*

#### **- Môi trường pháp lý**

Một trong những nhân tố quan trọng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đó là hệ thống luật pháp phải thực sự rõ ràng, nhất quán, minh bạch và ổn định. Pháp luật phải tạo ra một mặt bằng chung về pháp lý cho mọi nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế, xóa bỏ sự khác biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, phù hợp với luật pháp quốc tế.

Việc xây dựng Luật đầu tư phải gắn liền với các luật liên quan khác như: Luật doanh nghiệp, Luật thương mại, luật thuế...và ban hành các văn bản dưới luật đảm bảo kịp thời, nhất quán, mang tính khả thi cao. Đồng thời, phải hoàn chỉnh hệ thống pháp luật có liên quan đến chính sách đầu tư để tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

#### **- Cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài**

Cơ chế, chính sách đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng thu hút FDI của một quốc gia. Bởi cơ chế, chính sách phản ánh khả năng sinh lợi của vốn đầu tư, cũng như đảm bảo an toàn cho sự sinh lợi của đồng vốn. Nó thể hiện sự ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài. Chính sách ưu đãi đầu tư là công cụ nhằm thu hút đầu tư theo những mục tiêu phát triển nhất định, nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc khai thác, phát huy các nguồn lực bên trong và thu hút các nguồn lực bên ngoài. Mặt khác, chính sách đầu tư còn tác động đến sự phân bổ các nguồn lực một cách đúng hướng và đạt hiệu quả cao. Điều này đồng nghĩa với việc thu hút, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nói chung, vốn FDI nói riêng. Nếu chính sách đầu tư không phù hợp, thiếu tính đồng bộ và nhất quán thì việc thu hút FDI sẽ gặp nhiều trở ngại. Thực tế cho thấy, các nước NICs ở Đông Nam Á và một số nước khác như: Trung

Quốc, Thái Lan... là những nước tiêu biểu cho việc xác định chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp, nên đã thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính bao gồm tất cả những thủ tục cơ bản để một nhà đầu tư được phép đầu tư ở một quốc gia. Cùng với cơ chế chính sách ưu đãi, thông thoáng cần phải có thủ tục hành chính đơn giản, ít khâu trung gian và thời gian thực hiện ngắn. Để có được một thủ tục như vậy, ngoài việc có một hệ thống văn bản pháp luật quy định rõ ràng trách nhiệm của các chủ thể, cần xây dựng một quy trình làm việc khoa học với một đội ngũ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn cao, tinh thần trách nhiệm tận tụy, và có chế độ khen thưởng và kỷ luật nghiêm minh. Thủ tục hành chính gọn nhẹ cho phép giải quyết công việc nhanh chóng, vừa tiết kiệm thời gian, vừa tránh lãng phí, tạo được niềm tin cho nhà đầu tư. Ngược lại, thủ tục hành chính rườm rà sẽ làm hạn chế mọi ưu thế về môi trường đầu tư của nước đó, ảnh hưởng đến thời gian, chi phí và cơ hội của nhà đầu tư, khiến họ nản lòng.

Vì vậy, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện mô hình “một cửa liên thông” nhằm rút ngắn thời gian giải quyết công việc, là một trong những tiêu chí đánh giá môi trường đầu tư của các quốc gia và từng địa phương. Do đó, vấn đề cải các thủ tục hành chính cần được điều chỉnh cho phù hợp trong tình hình mới nhằm tăng cường thu hút FDI.

*Hai là, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội*

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống kết cấu hạ tầng vừa có vai trò quyết định đến hiệu quả đầu tư, vừa có ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của các nhà đầu tư. Trình độ phát triển của cơ sở hạ tầng thể hiện thông qua sự phát triển của hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc, các dịch vụ cung cấp điện, nước và một số dịch vụ hỗ trợ khác.

Xây dựng kết cấu hạ tầng là điều kiện tiên quyết và lâu dài cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Hệ thống giao thông vận tải an toàn, tiện lợi sẽ



góp phần giảm chi phí lưu thông cho doanh nghiệp. Một hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh (bao gồm hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không, mạng lưới cung cấp điện, nước, bưu chính viễn thông và các dịch vụ tiện ích khác) là điều mong muốn của mọi nhà đầu tư nước ngoài. Ngược lại, một kết cấu hạ tầng yếu kém với mạng lưới giao thông chưa hoàn chỉnh, hệ thống thông tin liên lạc lạc hậu, hệ thống cung cấp năng lượng thiếu thốn... sẽ gây ra những thiệt hại và lãng phí lớn cho nhà đầu tư, cản trở hoạt động thu hút FDI.

Do vậy, địa phương nào có kết cấu hạ tầng tốt thì sẽ có lợi thế lớn trong việc thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Kết cấu hạ tầng xã hội

Bên cạnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các nhà đầu tư cũng rất quan tâm đến kết cấu hạ tầng xã hội. Kết cấu hạ tầng xã hội bao gồm hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân, hệ thống giáo dục và đào tạo, hoạt động thương mại, khu vui chơi giải trí, các dịch vụ hỗ trợ, nhà ở cho người lao động... càng hoàn thiện thì càng tăng sức thu hút đối với nhà đầu tư.

*Ba là, môi trường chính trị xã hội và sự ổn định kinh tế vĩ mô*

- Môi trường chính trị

Việc giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động đầu tư nước ngoài. Ổn định chính trị luôn là yếu tố hấp dẫn hàng đầu đối với các nhà đầu tư nước ngoài, vì có ổn định chính trị thì các cam kết của Chính phủ nước chủ nhà với các nhà đầu tư về sở hữu vốn, các chính sách ưu tiên định hướng phát triển mới được thực hiện. Đây là những vấn đề được nhà đầu tư quan tâm nhất vì nó tác động mạnh đến các yếu tố rủi ro trong hoạt động đầu tư. Nếu không có môi trường chính trị - xã hội ổn định, thì các điều kiện khác dù có thuận lợi cũng không thể hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Ở các nước có nền chính trị ổn định đã thu hút lượng vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng như: dòng vốn FDI đổ vào các nước Singapore, Malaysia, trong hai thập niên cuối thế kỷ 20 nhiều hơn hẳn so với Thái Lan và Philipin, tình hình đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc, Việt Nam trong những năm gần đây cũng ngày càng tăng lên với tốc độ cao. Điều đó khẳng định việc giữ

vững ổn định ngày càng trở nên quan trọng hàng đầu trong thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài. Khi đầu tư vào một nước nào đó mà có tình hình chính trị bất ổn (đi liền với nó là luật pháp, chính sách thay đổi...) sẽ gây ra những hậu quả nặng nề về kinh tế - xã hội mà nhà đầu tư nước ngoài cũng phải gánh chịu một phần. Kinh nghiệm cho thấy, nhiều quốc gia có lợi thế lớn về tài nguyên thiên nhiên, có thị trường rộng lớn, nhưng lại gặp khó khăn về thu hút đầu tư, do có xung đột về chính trị. Vì vậy, sự ổn định về chính trị là yếu tố đầu tiên để nhà đầu tư xem xét quyết định có đầu tư hay không. Tiêu chí đánh giá sự ổn định chính trị là sự bền vững của Chính phủ, mức độ tranh giành quyền lực giữa các phe phái chính trị, sự hoạt động của các đảng phái và tôn giáo, sắc tộc. Nếu các điều kiện khác của môi trường đầu tư không đổi, thì chính trị càng ổn định và độ tin cậy càng cao thì càng hấp dẫn các nhà đầu tư.

Khi xem xét môi trường chính trị xã hội, bên cạnh sự ổn định chính trị xã hội các nhà đầu tư nước ngoài còn quan tâm đến thái độ chính trị của địa phương đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài. Thái độ chính trị của địa phương thể hiện ở các chủ trương, quan điểm, chính sách về thu hút đầu tư. Vai trò của chính quyền địa phương trước hết thể hiện trong việc hướng dẫn thực hiện luật pháp, các quy định của chính quyền Trung ương trong phạm vi địa phương, đảm bảo sự ổn định về hệ thống chính trị và pháp lý trong nội bộ các cơ quan chính quyền địa phương, đồng thời có giải pháp ổn định kinh tế xã hội địa phương để tạo sự tin cậy cho các nhà đầu tư. Ngoài ra, chính quyền địa phương có thể giới thiệu những lợi thế, tiềm năng của địa phương đối với nhà đầu tư, để kêu gọi các dự án đầu tư và thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư của địa phương, cũng như phối hợp các cơ quan xúc tiến đầu tư quốc gia để thực hiện tiếp thị hình ảnh địa phương.

- Ổn định kinh tế vĩ mô: là yếu tố quan trọng trong việc thu hút FDI và là yếu tố đầu tiên đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia. Một đất nước có nền kinh tế vĩ mô không ổn định thì cũng không thể phát triển được.

*Bốn là, các nguồn lực cho sự phát triển và thu hút FDI*

- Nguồn lực tự nhiên: bao gồm vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên

Vị trí địa lý: hầu hết các nhà đầu tư đều quan tâm đến vị trí địa lý nơi mình định đầu tư. Vì địa phương nào có vị trí địa lý thuận lợi, như: gần đường giao thông, hay các thị trường nguyên liệu hoặc ở gần các thị trường tiêu thụ, các trung tâm đô thị phát triển hoặc các đầu mối thương mại...thì sẽ có ưu thế lớn trong việc thu hút đầu tư. Bởi nó tạo điều kiện cho nhà đầu tư giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm đáng kể chi phí vận chuyển, dễ dàng mở rộng ra các thị trường xung quanh, khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực và thúc đẩy các doanh nghiệp tập trung hóa, từ đó tăng lợi nhuận.

Tài nguyên thiên nhiên: đặc biệt là khoáng sản cũng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Nguồn nguyên, vật liệu phong phú, dồi dào, giá rẻ sẽ là nhân tố tích cực thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Dân số và nguồn lao động: là nhân tố quan trọng hàng đầu cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động thu hút FDI nói riêng. Trong dân số vừa có nguồn nhân lực cần thiết cho hoạt động sản xuất vật chất, vừa là thị trường tiêu thụ các sản phẩm dịch vụ và xã hội. Quy mô dân số càng đông, thu nhập cao sẽ góp phần tạo ra thị trường tiêu thụ càng lớn.

Chính vì vậy, khi xem xét môi trường đầu tư, nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến nguồn lao động ở quốc gia và địa phương đó cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, đối với các nhà đầu tư, nhất là những nhà đầu tư trong các lĩnh vực mũi nhọn, lao động rẻ không còn là sự hấp dẫn hàng đầu với họ. Vì cùng với sự phát triển của trình độ khoa học kỹ thuật, bộ phận lao động phổ thông, trình độ thấp ngày càng trở nên thừa một cách tương đối. Một đội ngũ lao động có tay nghề cao, cần cù, chịu khó, có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực...mới là yếu tố hấp dẫn với nhiều nhà đầu tư.

*Nhằm là, quy mô và tốc độ phát triển của thị trường*

Quy mô của thị trường được thể hiện thông qua sức mua của người dân. Sức mua của người dân càng lớn càng thu hút các nhà đầu tư. Tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế liên quan trực tiếp đến nhu cầu, khả năng hấp thụ vốn đầu tư, cũng như sự phát triển của thị trường trong nước. Một nền kinh

tế năng động, tốc độ tăng trưởng cao và ổn định sẽ có nhu cầu và khả năng hấp thụ một lượng vốn đầu tư lớn và ngược lại.

Bên cạnh đó, tăng trưởng cao sẽ tạo được nguồn tích lũy cho chi tiêu của Chính phủ, doanh nghiệp vào hoàn thiện và phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng được thị trường trong nước, từ đó thu hút đầu tư sẽ mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp phụ trợ, các ngành dịch vụ hỗ trợ phát triển. Nhiều nhà đầu tư với chiến lược “đi tắt, đón đầu” cũng sẽ mạnh dạn đầu tư vào những nơi có nhiều kỳ vọng tăng trưởng nhanh trong tương lai và có các cơ hội mở rộng ra các thị trường lân cận.

#### *Sáu là, công tác vận động, xúc tiến đầu tư*

Xúc tiến đầu tư là hoạt động quảng bá hình ảnh một quốc gia, một địa phương hay một khu kinh tế, để mọi đối tác quan tâm đến vấn đề đầu tư có điều kiện tìm hiểu kỹ về cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, về nhu cầu đầu tư, về điều kiện kết cấu hạ tầng, về nguồn nhân lực, thị trường tiêu thụ và các vấn đề khác có liên quan. Đó là các nội dung mà các nhà đầu tư nghiên cứu làm cơ sở cho việc quyết định đầu tư.

Có thể nói công tác xúc tiến đầu tư là hoạt động đối ngoại trong đầu tư, tức là hoạt động đưa thông tin ra bên ngoài và đến với các đối tượng có nhu cầu đầu tư. Công tác xúc tiến đầu tư có vai trò quan trọng trong việc phát huy nội lực để thu hút được một giá trị và cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp tối ưu. Không phải ngẫu nhiên mà trong những năm gần đây, các cuộc viếng thăm nước ngoài của các nguyên thủ quốc gia bao giờ cũng có các doanh nghiệp đi cùng. Hoạt động chính trị của các chính khách không thể thoát ly hoạt động kinh tế của đất nước mà họ đại diện, trong đó vận động xúc tiến thương mại và đầu tư là nội dung hết sức quan trọng.

Vì vậy, xúc tiến đầu tư là một trong những chiến lược quan trọng của mọi quốc gia trong quá trình phát triển. Đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hóa ngày càng diễn ra sâu sắc, đầu tư nước ngoài đang trở thành xu hướng tất yếu, là một trong những biện pháp quan trọng để các nước đang phát triển thay đổi cơ cấu đầu tư và tăng trưởng kinh tế.

### *Bây là, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh*

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI là chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển. Có thể hiểu năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là khả năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đó so với tỉnh khác dựa trên lợi thế so sánh và nguồn lực con người.

Phương pháp đánh giá PCI: PCI đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế thuộc thẩm quyền của chính quyền tỉnh, thành phố, dựa trên 10 chỉ số thành phần (với thang điểm 100) nhằm đánh giá và xếp hạng các tỉnh về chất lượng điều hành cấp tỉnh tại Việt Nam. Những chỉ số đó là:

- Gia nhập thị trường
- Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất
- Tính minh bạch
- Chi phí thời gian
- Chi phí không chính thức
- Tính năng động của lãnh đạo tỉnh
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp
- Đào tạo lao động
- Thiết chế pháp lý
- Cải cách hành chính

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Chỉ số PCI cung cấp thông tin về chất lượng lao động, cơ sở hạ tầng, tính minh bạch, tham nhũng và các yếu tố khác. PCI là kênh thông tin tham khảo tin cậy về địa điểm đầu tư. Ngoài ra, PCI còn phản ánh mong muốn của doanh nghiệp, là kênh đối thoại giúp doanh nghiệp bày tỏ quan điểm về các vấn đề trăn trở trong hoạt động kinh doanh.

Đối với Chính quyền địa phương: việc nhận thức đầy đủ thông tin do chỉ số PCI cung cấp sẽ giúp chính quyền địa phương điều chỉnh công tác quản lý và các hệ thống pháp lý liên quan. Quan trọng hơn, qua chỉ số này, cơ quan lãnh đạo tỉnh, thành xác định lĩnh vực cần ưu tiên để cải thiện môi trường đầu tư, nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, giải quyết việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Từ đó, nâng

cao khả năng cạnh tranh của địa phương, đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư của địa phương. Theo thống kê, đã có hơn 40 tỉnh, thành phố sử dụng kết quả PCI để ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình hành động (của Tỉnh ủy, UBND) nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế.

## **1.2. Lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài**

### **1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài**

#### **Khái niệm về đầu tư và đầu tư phát triển**

- **Đầu tư:** Đầu tư là quá trình ứng ra một lượng vốn nhất định bằng tiền mặt, tài sản... ở hiện tại với kỳ vọng thu được lợi ích lớn hơn trong tương lai.

- **Đầu tư phát triển:** Đầu tư phát triển là quá trình bỏ vốn ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nhằm làm tăng thêm hoặc tạo ra những tài sản vật chất (nhà xưởng, thiết bị...) và tài sản trí tuệ (trí thức, kỹ năng...), gia tăng năng lực sản xuất, tạo thêm việc làm nhưng vì mục tiêu phát triển. Đầu tư phát triển đòi hỏi rất lớn nhiều nguồn lực. Theo nghĩa hẹp, nguồn lực sử dụng cho đầu tư phát triển là tiền vốn. Theo nghĩa rộng, nguồn lực đầu tư bao gồm cả tiền vốn, đất đai, lao động, máy móc thiết bị, tài nguyên.

#### **- Nguồn vốn cho đầu tư phát triển**

*Nguồn vốn đầu tư từ trong nước:*

(1) Nguồn vốn Nhà nước: Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, Nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, Nguồn vốn từ các doanh nghiệp nhà nước, Nguồn vốn tín dụng ngân hàng thương mại;

(2) Nguồn vốn tư nhân: Bao gồm nguồn vốn tích lũy của dân cư và các doanh nghiệp.

*Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài:* Vốn FDI, vốn ODA, tín dụng từ các tổ chức tài chính quốc tế, từ thị trường tài chính quốc tế

#### **Đầu tư trực tiếp nước ngoài**

- **Khái niệm:** Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hình thức nhà đầu tư nước ngoài dịch chuyển tài sản như tiền, công nghệ... từ nước này sang nước khác đồng thời nắm quyền quản lý, điều hành với mục đích thu được lợi ích kinh

tế từ nước tiếp nhận đầu tư.

Theo quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), FDI là hoạt động đầu tư nhằm đạt được lợi ích lâu dài trong doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của nền kinh tế khác nền kinh tế nước chủ đầu tư, mục đích của chủ đầu tư là giành quyền quản lý doanh nghiệp.

Như vậy, FDI là sự đầu tư với quan hệ dài hạn, phản ánh lợi ích và sự kiểm soát lâu dài của một chủ thể thường trú trong một nền kinh tế (công ty mẹ) tại một doanh nghiệp trong một nền kinh tế khác không phải là nền kinh tế mà nhà ĐTNN (doanh nghiệp FDI, công ty chi nhánh, chi nhánh nước ngoài). Trong định nghĩa này, FDI hàm ý chỉ nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể tới việc quản lý điều hành doanh nghiệp ở nền kinh tế khác. Sự đầu tư này bao gồm: giao dịch ban đầu giữa hai chủ thể; giao dịch về sau giữa hai bên; và giao dịch giữa các cơ sở chi nhánh ở nước ngoài (cả chi nhánh có gắn kết và không gắn kết). Dòng vốn FDI có thể do cá nhân, tổ chức kinh doanh thực hiện, cung cấp trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp liên quan cho doanh nghiệp có vốn ĐTNN, hoặc nhận được từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN khác.

Tóm lại, có thể hiểu: “FDI là hình thức đầu tư mà nhà đầu tư nước ngoài đầu tư toàn bộ hay phần vốn đầu tư đủ lớn nhằm giành quyền kiểm soát hoặc tham gia kiểm soát doanh nghiệp ở nước chủ nhà”.

#### ***- Đặc điểm vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI***

*Thứ nhất*, chủ đầu tư vốn FDI là chủ sở hữu vốn, là một bộ phận của hình thức chung chuyên vốn quốc tế trong đó chủ đầu tư có quốc tịch nước ngoài, tiến hành đầu tư tại một nước khác vì vậy nhà đầu tư nước ngoài phải chấp hành luật pháp của nước tiếp nhận đầu tư. Chủ sở hữu vốn đầu tư trực tiếp tham gia quản lý, điều hành quá trình sử dụng vốn, có nghĩa vụ và quyền lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh tương ứng với phần vốn góp đó. Trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dưới hình thức 100% vốn thì có toàn quyền quyết định, nếu góp vốn thì quyền này phụ thuộc vào mức độ góp vốn. Thu nhập từ hoạt động đầu tư này phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả sản xuất kinh doanh, mức độ lãi

được chia theo tỷ lệ góp vốn của các bên, nếu bị lỗ thì trách nhiệm của các bên cũng tương ứng với phần góp vốn đó.

*Thứ hai*, vốn FDI không chỉ bao gồm vốn đầu tư ban đầu của chủ đầu tư nước ngoài dưới hình thức vốn điều lệ hoặc vốn pháp định mà nó còn bao gồm cả vốn vay của các nhà đầu tư để triển khai và mở rộng dự án cũng như vốn đầu tư được trích lại từ lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, nước sở tại phải có chính sách về tài chính phù hợp tránh trường hợp một số nhà đầu tư nước ngoài lợi dụng chỉ đưa một lượng vốn nhỏ vào còn sau đó tiến hành vay vốn tại nước sở tại để thực hiện đầu tư, mở rộng kinh doanh làm ảnh hưởng đến mục đích thu hút đầu tư nước ngoài của nước sở tại.

*Thứ ba*, vốn FDI là vốn đầu tư phát triển dài hạn, trực tiếp từ bên nước ngoài vì vậy đối với nước tiếp nhận đầu tư thì đây chính là nguồn vốn dài hạn bổ sung hết sức cần thiết trong nền kinh tế.

*Thứ tư*, vốn FDI là hình thức đầu tư trực tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài, họ mang vốn đến nước khác để đầu tư. Vì vậy, khác với các nguồn vốn vay, vốn FDI tại nước sở tại không phải hoàn trả nợ và cũng không tạo gánh nặng nợ quốc gia, đây là một ưu điểm so với các hình thức đầu tư nước ngoài khác. Việc mang vốn từ bên ngoài vào đầu tư tại nước sở tại sẽ tạo thêm nhiều vốn cho đầu tư, nhất là những nước đang phát triển và vốn này không phải là khoản nợ của quốc gia, sẽ đảm bảo an ninh tài chính cho quốc gia tiếp nhận vốn tốt hơn nhiều so với các khoản vốn vay quốc gia khác. Để được gọi là vốn FDI thì phía nhà đầu tư nước ngoài phải đóng góp một tỷ lệ nhất định, lượng vốn này tùy theo quy định của từng nước và được thay đổi thay đổi theo thời gian.

*Thứ năm*, vốn FDI là hình thức xuất khẩu tư bản nhằm thu lợi nhuận cao và các nhà đầu tư nước ngoài quyết định về quy mô và sử dụng vốn FDI. Do các nhà đầu tư nước ngoài luôn hướng tới mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận cao nên có thể gây ra nhiều thiệt thòi, tổn thất ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia và mục tiêu thu hút vốn của nước nhận đầu tư.

#### **- Những tác động của vốn FDI đối với nền kinh tế**

##### **➤ Tác động tích cực**



(1) Thúc đẩy chuyển giao, phát triển công nghệ nhất là ở những nước đang phát triển.

(2) Tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực cho địa phương.

(3) Góp phần cải cách thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch cho môi trường đầu tư.

(4) Góp phần giúp hội nhập sâu rộng vào đời sống kinh tế quốc tế và tăng cường quan hệ đối ngoại với các nước, các tập đoàn lớn và các tổ chức trên thế giới.

(5) Góp phần tác động lan tỏa đến các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế.

(6) Nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương

➤ *Tác động tiêu cực*

(1) Có nhiều hành vi tiêu cực, các nhà đầu tư nước ngoài tìm nhiều cách để trốn tránh nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

(2) Vì chạy theo mục tiêu của mình nên nhà đầu tư nước ngoài thường đầu tư vào các ngành, các lĩnh vực không trùng khớp với mong muốn của nước sở tại làm cho mục tiêu thu hút bị ảnh hưởng.

(3) Do các nhà đầu tư quốc tế là những đối tác giàu kinh nghiệm và sành sỏi trong kinh doanh, nên trong nhiều trường hợp nước sở tại sẽ chịu nhiều thua thiệt.

(4) Nhiều trường hợp FDI đi liền với việc du nhập của những công nghệ lạc hậu.

(5) Hoạt động của các doanh nghiệp FDI có thể làm tăng sự phá sản của những cơ sở kinh tế trong nước và các ngành nghề truyền thống, tăng tính mất bình đẳng trong cạnh tranh.

(6) Hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài mặc dù đã tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động nhưng cũng từng bước làm mất đi nhiều việc làm truyền thống và chưa coi trọng đúng mức về đào tạo cho người lao động.

(7) Ảnh hưởng đối với môi trường tự nhiên và khai thác lãng phí tài nguyên.

### **1.2.2. Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Các hoạt động FDI có thể được phân loại dựa theo nhiều hình thức khác nhau, cụ thể:

- (1) theo cách thức xâm nhập.
- (2) theo quan hệ ngành nghề, lĩnh vực giữa chủ đầu tư và đối tượng tiếp nhận đầu tư.
- (3) theo định hướng của nước nhận đầu tư.
- (4) theo định hướng của chủ đầu tư.
- (5) theo hình thức pháp lý.

### **1.2.2.1. Theo cách thức xâm nhập**

*Đầu tư mới (new investment)* là việc một công ty đầu tư để xây dựng một cơ sở sản xuất, cơ sở marketing hay cơ sở hành chính mới, trái ngược với việc mua lại những cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động. Như tên gọi đã thể hiện, hãng đầu tư thường mua một mảnh đất trống và xây dựng nhà máy sản xuất, chi nhánh marketing, hoặc các cơ sở khác để phục vụ cho mục đích sử dụng của mình. Đây chính là những gì mà hãng Ford đã làm, *ví dụ* như thành lập một nhà máy rất lớn ở bên ngoài Valencia, Tây Ban Nha.

*Mua lại (acquisitions)* là việc đầu tư hay mua trực tiếp một công ty đang hoạt động hay cơ sở sản xuất kinh doanh. *Ví dụ*, khi hãng Home Deport thâm nhập vào thị trường Mexico, mua lại các cửa hàng và tài sản của một nhà bán lẻ các sản phẩm công trình kiến trúc, Home Mart. Nhà sản xuất máy tính cá nhân Lenovo của Trung Quốc đã quốc tế hóa nhanh chóng nhờ một phương thức mua lại đầy tham vọng.

*Sáp nhập (merge)* là một dạng đặc biệt của mua lại mà trong đó hai công ty sẽ cùng góp vốn chung để thành lập một công ty mới và lớn hơn. Sáp nhập là hình thức phổ biến hơn giữa các công ty có cùng quy mô bởi vì họ có khả năng hợp nhất các hoạt động của mình trên cơ sở cân bằng tương đối. Một ví dụ gần đây là về việc sáp nhập giữa Lucent Technologies của Hoa Kỳ với Alcatel của Pháp. Sự sáp nhập này đã tạo ra công ty chuyên về kinh doanh các thiết bị viễn thông toàn cầu lớn nhất thế giới (Alcatel - Lucent). Giống như liên doanh, sáp nhập có thể tạo ra rất nhiều kết quả tích cực, bao gồm sự học hỏi và chia sẻ nguồn lực giữa các đối tác với nhau, tăng tính lại ích kinh tế của quy mô, giảm chi phí bằng cách loại bỏ những hoạt động thừa, các chủng loại sản phẩm, dịch

vụ bán hàng rộng hơn và sức mạnh thị trường lớn hơn. Sự sáp nhập qua biên giới cũng đối mặt với nhiều thách thức do những khác biệt về văn hóa, chính sách cạnh tranh, giá trị doanh nghiệp và phương thức hoạt động giữa các quốc gia. Để thành công đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, lập kế hoạch và những cam kết trước chắc chắn.

#### **1.2.2.2. Theo định hướng của nước nhận đầu tư**

*FDI thay thế nhập khẩu:* Hoạt động FDI được tiến hành nhằm sản xuất và cung ứng cho thị trường nước nhận đầu tư các sản phẩm mà trước đây nước này phải nhập khẩu. Các yếu tố ảnh hưởng nhiều đến hình thức FDI này là dung lượng thị trường, các rào cản thương mại của nước nhận đầu tư và chi phí vận tải.

*FDI tăng cường xuất khẩu:* Thị trường mà hoạt động đầu tư này quan tâm tới không phải hoặc không chỉ dừng lại ở nước nhận đầu tư mà là các thị trường rộng lớn hơn trên toàn thế giới và có thể có cả thị trường ở nước chủ đầu tư. Các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến dòng vốn FDI theo hình thức này là khả năng cung ứng các yếu tố đầu vào với giá rẻ của các nước nhận đầu tư như nguyên vật liệu, bán thành phẩm.

*FDI theo các định hướng khác của chính phủ:* Chính phủ nước nhận đầu tư có thể được áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư để điều chỉnh dòng vốn FDI chảy vào nước mình theo đúng ý đồ của mình, ví dụ như tăng cường thu hút FDI giải quyết tình trạng thâm hụt cán cân thanh toán.

#### **1.2.2.3. Theo hình thức pháp lý**

*Hợp đồng hợp tác kinh doanh:* là văn bản kí kết giữa hai bên hoặc nhiều bên để tiến hành đầu tư kinh doanh mà trong đó quy định rõ trách nhiệm chia kết quả kinh doanh cho mỗi bên mà không thành lập pháp nhân mới.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh là hình thức đầu tư được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập pháp nhân.

Hình thức đầu tư này có ưu điểm là giúp giải quyết tình trạng thiếu vốn, công nghệ; tạo thị trường mới, bảo đảm được quyền điều hành dự án của nước sở tại, thu lợi nhuận tương đối ổn định. Tuy nhiên, nó có nhược điểm là nước sở

tại không tiếp nhận được kinh nghiệm quản lý; công nghệ thường lạc hậu; chỉ thực hiện được đối với một số ít lĩnh vực dễ sinh lời như thăm dò dầu khí.

Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân riêng và mọi hoạt động BCC phải dựa vào pháp nhân của nước sở tại. Do đó, về phía nhà đầu tư, họ rất khó kiểm soát hiệu quả các hoạt động BCC. Tuy nhiên, đây là hình thức đơn giản nhất, không đòi hỏi thủ tục pháp lý rườm rà nên thường được lựa chọn trong giai đoạn đầu khi các nước đang phát triển bắt đầu có chính sách thu hút FDI. Khi các hình thức 100% vốn hoặc liên doanh phát triển, hình thức BCC có xu hướng giảm mạnh.

*Doanh nghiệp liên doanh*, là doanh nghiệp được thành lập tại nước sở tại trên cơ sở hợp đồng liên doanh kí kết giữa hai bên hoặc nhiều bên, trường hợp đặc biệt có thể được thành lập trên cơ sở Hiệp định kí kết giữa các quốc gia, để tiến hành đầu tư và kinh doanh tại nước sở tại.

Đây là hình thức được sử dụng rộng rãi trên thế giới từ trước tới nay. Hình thức này cũng rất phát triển ở Việt Nam, nhất là giai đoạn đầu thu hút FDI. DNLD là doanh nghiệp được thành lập tại nước sở tại trên cơ sở hợp đồng liên doanh ký giữa Bên hoặc các Bên nước chủ nhà với Bên hoặc các Bên nước ngoài để đầu tư kinh doanh tại nước sở tại.

Như vậy, hình thức DNLD tạo nên pháp nhân đồng sở hữu nhưng địa điểm đầu tư phải ở nước sở tại. Hiệu quả hoạt động của DNLD phụ thuộc rất lớn vào môi trường kinh doanh của nước sở tại, bao gồm các yếu tố kinh tế, chính trị, mức độ hoàn thiện pháp luật, trình độ của các đối tác liên doanh của nước sở tại... Hình thức DNLD có những ưu điểm là góp phần giải quyết tình trạng thiếu vốn, nước sở tại tranh thủ được nguồn vốn lớn để phát triển kinh tế nhưng lại được chia sẻ rủi ro; có cơ hội để đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm; tạo cơ hội cho người lao động có việc làm và học tập kinh nghiệm quản lý của nước ngoài; Nhà nước của nước sở tại dễ dàng hơn trong việc kiểm soát được đối tác nước ngoài. Về phía nhà đầu tư, hình thức này là công cụ để thâm nhập vào thị trường nước ngoài một cách hợp pháp và hiệu quả, tạo thị trường mới, góp phần tạo điều kiện cho nước sở tại tham gia hội nhập vào nền kinh tế quốc tế. Tuy

nhiên, hình thức này có nhược điểm là thường dễ xuất hiện mâu thuẫn trong điều hành, quản lý doanh nghiệp do các bên có thể có sự khác nhau về chế độ chính trị, phong tục tập quán, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, luật pháp. Nước sở tại thường rơi vào thế bất lợi do tỷ lệ góp vốn thấp, năng lực, trình độ quản lý của cán bộ tham gia trong DNLD yếu.

*Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài:* là doanh nghiệp thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, do nhà đầu tư nước ngoài thành lập tại quốc gia sở tại, tự quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh.

Hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là hình thức truyền thống và phổ biến của FDI. Với hình thức này, các nhà đầu tư, cùng với việc chú trọng khai thác những lợi thế của địa điểm đầu tư mới, đã nỗ lực tìm cách áp dụng các tiên bộ khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lý trong hoạt động kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất. Hình thức này phổ biến ở quy mô đầu tư nhỏ nhưng cũng rất được các nhà đầu tư ưa thích đối với các dự án quy mô lớn. Hiện nay, các công ty xuyên quốc gia thường đầu tư theo hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và họ thường thành lập một công ty con của công ty mẹ xuyên quốc gia.

Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài nhưng phải chịu sự kiểm soát của pháp luật nước sở tại (nước nhận đầu tư). Là một pháp nhân kinh tế của nước sở tại, doanh nghiệp phải được đầu tư, thành lập và chịu sự quản lý nhà nước của nước sở tại. Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại nước chủ nhà, nhà đầu tư phải tự quản lý, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Về hình thức pháp lý, dưới hình thức này, theo Luật Doanh nghiệp 2005, có các loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần...

Hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài có ưu điểm là nước chủ nhà không cần bỏ vốn, tránh được những rủi ro trong kinh doanh, thu ngay được tiền thuê đất, thuế, giải quyết việc làm cho người lao động. Mặt khác, do độc lập về quyền sở hữu nên các nhà đầu tư nước ngoài chủ động đầu tư và để cạnh tranh, họ

thường đầu tư công nghệ mới, phương tiện kỹ thuật tiên tiến nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao, góp phần nâng cao trình độ tay nghề người lao động. Tuy nhiên, nó có nhược điểm là nước chủ nhà khó tiếp nhận được kinh nghiệm quản lý và công nghệ, khó kiểm soát được đối tác đầu tư nước ngoài và không có lợi nhuận.

### *BOT, BTO, BT*

*BOT (Build-Operate-Transfer)* có nghĩa Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao: là hình thức đầu tư dưới dạng hợp đồng do nhà nước kêu gọi các nhà đầu tư tư nhân bỏ vốn xây dựng trước (Build), sau đó vận hành và khai thác (Operate) một thời gian và cuối cùng là chuyển giao (Transfer) cho nhà nước sở tại.

Tương tự BOT còn có hai loại hình khác là *BTO* và *BT*. *BTO* (Build - Transfer - Operate) có nghĩa xây dựng - chuyển giao - kinh doanh, là hình thức đầu tư được kí giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình, sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho nước sở tại; Chính phủ dành cho nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong thời hạn nhất định để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận. Còn *BT* (Build - Transfer) có nghĩa xây dựng - chuyển giao là hình thức đầu tư được kí giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho nước sở tại; Chính phủ tạo điều kiện cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hoặc thanh toán cho nhà đầu tư theo thoả thuận trong hợp đồng *BT*. Tùy theo từng công trình và mục đích của nhà nước mà họ thực hiện các loại hình BOT, BTO hay BT.

Ưu điểm của hình thức này là thu hút vốn đầu tư vào những dự án kết cấu hạ tầng, đòi hỏi lượng vốn lớn, thu hồi vốn trong thời gian dài, làm giảm áp lực vốn cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, nước sở tại sau khi chuyển giao có được những công trình hoàn chỉnh, tạo điều kiện phát huy các nguồn lực khác để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, hình thức BOT có nhược điểm là độ rủi ro cao, đặc biệt là rủi ro chính sách; nước chủ nhà khó tiếp nhận kinh nghiệm quản lý, công nghệ.

### **1.3. Môi trường quan giữa môi trường đầu tư với khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài**

#### **1.3.1. Vai trò của môi trường đầu tư với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài**

##### **a. Nhân tố tác động từ kinh tế vĩ mô**

Môi trường đầu tư bao gồm nhóm các yếu tố bên ngoài như toàn cầu hóa, liên kết kinh tế khu vực, tăng trưởng nhanh của TNCs, xu hướng đối thoại chính trị giữa các nước, môi trường nước đầu tư, và nhóm các yếu tố bên trong như: yếu tố về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, môi trường chính trị, môi trường pháp lý, trình độ phát triển kinh tế, yếu tố văn hóa xã hội, môi trường cạnh tranh và môi trường công nghệ ở nước nhận đầu tư; Bất kỳ sự biến động nào trong các nhóm yếu tố của môi trường đầu tư đều tác động trực tiếp đến quyết định đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư, vì thế tác động đến dòng vốn FDI chảy vào nước nhận đầu tư.”

*Bối cảnh kinh tế toàn cầu:* nhưng diễn biến mới của kinh tế toàn cầu làm thay đổi lợi thế cạnh tranh động của kinh tế trong nước. Ví dụ bao gồm việc giá nhân công tăng, bất ổn tiềm tàng chính trị, thay đổi chính sách FDI của Trung Quốc khiến Việt Nam trở thành lựa chọn thay thế đáng cân nhắc đối với các nhà đầu tư trên thế giới. Hay các tranh chấp của Trung Quốc với Nhật Bản và Hàn Quốc hoặc khủng hoảng chính trị liên quan đến Nga cũng tạo ra những ảnh hưởng nhất định đến cơ hội đầu tư liên quan tới Việt Nam.”

Bên cạnh những thay đổi không do Việt Nam chủ động thực hiện này thì Việt Nam cũng chủ động tạo ra cơ hội cho mình bằng việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) như TPP, AFTA với Hàn Quốc và Liên minh Châu Âu hay tham gia hội nhập sâu vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Những hiệp định này có tác động tích cực tới việc thu hút vốn ngoại đầu tư vào Việt Nam.

*Tình hình phát triển về công nghệ:* Với tình hình phát triển bùng nổ của công nghệ, đặc biệt là trong 5 năm trở lại đây, được dự báo sẽ thay đổi bộ mặt kinh tế toàn cầu rất mạnh mẽ trong tương lai. Các nước đang phát triển có khả năng sẽ không thể đạt được thành tích phát triển kinh tế thần kỳ như các “Con rồng, con hổ châu Á”. Những công nghệ mới cho phép sử dụng robot thay thế

hoàn toàn cho con người với chi phí thậm chí còn rẻ hơn lao động phổ thông tại các nước đang và kém phát triển; Điều này có nghĩa là sản xuất hoàn toàn có khả năng quay về các quốc gia phát triển. Do đó các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, nếu không nhanh tay hoàn toàn có khả năng mất đi lợi thế đi sau của các quốc gia phát triển sau.

### **b. Năng lực và định hướng của nhà đầu tư FDI**

Đối với mỗi nhà đầu tư, họ đều có định hướng phát triển của doanh nghiệp mình vào những ngành, nghề nhất định tại mỗi địa phương nhất định sao cho đem lại hiệu quả lợi nhuận cao nhất và được đãi ngộ, ưu đãi nhiều nhất. Tiềm lực của nhà đầu tư thể hiện ở khả năng công nghệ, trình độ quản lý, qui mô hoạt động, có tiềm lực tài chính, và có sự khác biệt rất lớn về năng lực giữa nhà đầu tư lớn khi so với nhà đầu tư nhỏ lẻ về cả chiến lược đầu tư, ngành nghề kinh doanh. Thông thường những đơn vị sản xuất kinh doanh này (đặc biệt là MNCs) có sự gắn kết chặt chẽ với các đơn vị sản xuất kinh doanh khác của nhà đầu tư này ở nơi khác tạo thành chuỗi có sự liên kết chặt chẽ với nhau. Đối với những nhà đầu tư loại này, hiếm khi có chuyện đầu tư chụp giật hay làm phương hại đến thương hiệu của họ, nhà đầu tư có tiềm năng sẽ giúp cho quá trình triển khai dự án thuận lợi hơn, qua đó cũng tác động đến chất lượng dòng vốn FDI vào địa phương.”

Thật khó có thể có được những công nghệ gốc nếu cứ kêu gọi những nhà đầu tư đến từ Đông Nam Á. Muốn có công nghệ gốc, nước nhận đầu tư phải cố gắng thu hút được những nhà đầu tư lớn (MNCs lớn) đến từ những nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới như Mỹ, EU, Nhật Bản.

### **c. Yếu tố tác động nội tại của địa phương**

#### *Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của địa phương*

Đây là yếu tố thể hiện sự sẵn có và sự dồi dào về trữ lượng các nguồn tài nguyên thiên nhiên đặc trưng của địa phương, sự thuận lợi trong giao thương với các địa phương và vùng cung cấp nguyên liệu lân cận, tác động đáng kể đến việc khảo sát trước khi đi đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp FDI.

#### *Chính sách thu hút FDI của địa phương*



Yếu tố quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương tiếp nhận đầu tư: Đây là cơ sở, là tiền đề và là khuôn khổ cho việc hoạch định các chính sách phát triển KT-XH trong đó có các chính sách tạo lòng tin đối với nhà đầu tư. Yếu tố chính sách thu hút FDI, đây là những biện pháp cụ thể hóa và là những can thiệp của nhà nước và nền kinh tế, nó ảnh hưởng tới khả năng thu hút FDI, nhất là các chính sách tác động trực tiếp như quy định về lĩnh vực được đầu tư, mức sở hữu của nước ngoài, miễn giảm thuế đầu tư, quy định các tỷ lệ xuất khẩu, tư nhân hóa, cạnh tranh, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, ... và các chính sách có ảnh hưởng gián tiếp như các chính sách về tài chính – tiền tệ, thương mại, văn hóa - xã hội, an ninh, đối ngoại,... Mức độ đầy đủ và hợp lý của các chính sách này có ảnh hưởng mạnh đến dòng vốn đầu tư vào nước chủ nhà.”

Phân cấp thu hút FDI : Các địa phương thông qua các chức năng cơ bản của mình là xây dựng, hướng dẫn khuôn khổ pháp lý, huy động và phân bổ nguồn lực trong phạm vi địa phương, chủ động đưa ra các biện pháp hỗ trợ cần thiết để tạo nên một hình ảnh đẹp về địa phương dưới con mắt nhà đầu tư để có thể chủ động tiếp cận và thu hút các nhà đầu tư cho phù hợp với định hướng phát triển của địa phương.”

Tính hiệu lực trong thực hiện chính sách pháp luật của nước chủ nhà là một quan tâm lớn của các nhà đầu tư nước ngoài. Do làm ăn ở nơi xa lạ, không có người thân thích, với lượng tài sản lớn, nên các nhà đầu tư nước ngoài phải dựa vào pháp luật của nước chủ nhà để bảo đảm quyền lợi cho họ.

*Nhóm nhân tố phản ánh khả năng hấp thụ vốn FDI của địa phương*

**Khả năng đối ứng của doanh nghiệp nội địa:** Nếu các doanh nghiệp trong nước có khả năng nắm bắt, tiếp thu và nhanh chóng làm chủ công nghệ được chuyển giao từ khu vực FDI, cung cấp những sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp FDI thì dự án FDI đó sẽ sớm phát huy được tính hiệu quả về quy mô đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách lâu dài và vững chắc. Ngược lại, nếu doanh nghiệp trong nước hay những lao động trong nước không đủ khả năng tiếp nhận những công nghệ mới từ bên ngoài thì dù nhà đầu tư có mang công nghệ hiện đại đến cũng không đem lại kết quả gì.

**Điều kiện cơ sở hạ tầng:** Bao gồm mạng lưới giao thông, thông tin, năng lượng... nếu phát triển đồng bộ sẽ tạo điều kiện đầu tư thuận lợi cho các nhà đầu tư FDI đẩy nhanh tiến độ đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp tích cực trở lại cho sự phát triển của nền kinh tế địa phương.

**Chất lượng nguồn nhân lực:** Trình độ, số lượng, cơ cấu lao động trong nền kinh tế có đủ tốt để hấp thụ nguồn đầu tư lớn từ quốc tế hay không.. Điều này tác động lớn đến khả năng hấp thụ chuyển giao công nghệ đến từ các tập đoàn toàn cầu.

**Sức mua của thị trường trong nước:** Đây là lực hút khá mạnh đối với các nhà đầu tư. Nếu sức mua của thị trường trong nước lớn sẽ tạo động lực thôi thúc nhà đầu tư FDI thiết lập các trung tâm R&D và chuyển giao nhiều công nghệ hiện đại cho nước tiếp nhận vốn.

### **1.3.2. Ảnh hưởng của môi trường đầu tư tới thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài**

#### **a. Đối với nước đầu tư**

*Thứ nhất*, nước đi đầu tư có thể tận dụng được lợi thế so sánh của nước nhận đầu tư. Đối với các nước đi đầu tư, họ nhận thấy tỷ suất lợi nhuận đầu tư ở trong nước có xu hướng ngày càng giảm, kèm theo hiện tượng thừa tương đối tư bản. Bằng đầu tư ra nước ngoài, họ tận dụng được lợi thế về chi phí sản xuất thấp của nước nhận đầu tư (do giá lao động rẻ, chi phí khai thác nguyên vật liệu tại chỗ thấp bởi các nước nhận đầu tư là các nước đang phát triển, thường có nguồn tài nguyên phong phú, nhưng do có hạn chế về vốn và công nghệ nên chưa được khai thác, tiềm năng còn rất lớn) để hạ giá thành sản phẩm, giảm chi phí vận chuyển đối với việc sản xuất hàng thay thế nhập khẩu của nước nhận đầu tư, nhờ đó mà nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư.

*Thứ hai*, kéo dài chu kỳ sống của sản phẩm thông qua chuyển giao công nghệ. Thông qua đầu tư trực tiếp, các công ty của các nước phát triển chuyển được một phần các sản phẩm công nghiệp (phần lớn là các máy móc thiết bị) ở giai đoạn cuối của chu kỳ sống của chúng sang nước nhận đầu tư để tiếp tục sử dụng chúng như là sản phẩm mới ở các nước này hoặc ít ra cũng như các sản phẩm đang có nhu cầu trên thị trường nước nhận đầu tư, nhờ đó mà tiếp tục duy

trì được việc sử dụng các sản phẩm này, tạo thêm lợi nhuận cho các nhà đầu tư. Với sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật như ngày nay thì bất cứ một trung tâm kỹ thuật tiên tiến nào cũng cần phải luôn luôn có thị trường tiêu thụ công nghệ loại hai, có như vậy mới đảm bảo thường xuyên thay đổi công nghệ, kỹ thuật mới.

*Thứ ba*, thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nhà đầu tư có thể mở rộng thị trường, tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch của nước nhận đầu tư khi xuất khẩu sản phẩm là máy móc thiết bị sang đây (để góp vốn) và xuất khẩu sản phẩm tại đây sang các nước khác (do chính sách ưu đãi của các nước nhận đầu tư nhằm khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ và sản xuất hàng xuất khẩu của các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài), nhờ đó mà giảm được giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh với hàng nhập từ các nước.

*Thứ tư*, đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ khuyến khích xuất của nước đi đầu tư. Cùng với việc đem vốn đi đầu tư sản xuất ở các nước khác và nhập khẩu sản phẩm đó về nước với một số lượng lớn sẽ làm cho đồng nội tệ tăng. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ so với đồng ngoại tệ có xu hướng giảm dần. Sự giảm tỷ giá hối đoái này sẽ có tác dụng khuyến khích các nhà sản xuất trong nước tăng cường xuất khẩu, nhờ đó tăng thu ngoại tệ cho đất nước.

## **b. Đối với nước nhận đầu tư**

### *Đối với các nước kém phát triển*

Góp phần giải quyết các khó khăn về kinh tế - xã hội như thất nghiệp, lạm phát, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp. Tăng nguồn thu, tạo điều kiện cải thiện tình hình ngân sách, tạo ra môi trường cạnh tranh tích cực. Giúp người lao động và các nhà quản lý học hỏi và nâng cao trình độ.

### *Đối với các nước đang phát triển*

- Là nguồn vốn quan trọng để thực hiện phát triển KT-XH, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu hẹp khoảng cách phát triển với thế giới.
- Góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng CNH, hiện đại.
- Góp phần phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng và trình độ cao, tạo thêm việc làm cho người lao động.

- Là nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước nhỏ bé của các nước đang phát triển.

- Giúp các doanh nghiệp trong nước mở cửa thị trường hàng hóa thế giới.

- Có điều kiện tiếp thu khoa học - công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến và tác phong làm việc công nghiệp.

Tuy nhiên, FDI cũng có những hạn chế nhất định: Luồng FDI chỉ đi vào những nước có môi trường kinh tế - chính trị ổn định, môi trường đầu tư hấp dẫn. Nếu nước nhận đầu tư không có kế hoạch đầu tư chi tiết, cụ thể và khoa học dễ dẫn tới tình trạng đầu tư tràn lan, tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực bị khai thác cạn kiệt, khó bố trí đầu tư theo ngành và vùng lãnh thổ; nếu không thăm định chặt chẽ còn có thể du nhập thiết bị, công nghệ lạc hậu; nếu chính sách, pháp luật cạnh tranh không đầy đủ còn dễ dẫn tới tình trạng doanh nghiệp nước ngoài chèn ép doanh nghiệp trong nước.

### **1.3.3. Bài học kinh nghiệm về cải thiện môi trường đầu tư để tăng cường khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số địa phương ở Việt Nam**

#### **1.3.3.1. Kinh nghiệm của tỉnh Bắc Ninh**

Trong 5 năm (2018 – 2022), tỉnh Bắc Ninh đã thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt 7,4 tỷ USD. Các dự án đầu tư nước ngoài góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong đó, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 865 dự án mới với tổng vốn đầu tư gần 3,4 tỷ USD, cấp điều chỉnh vốn cho 619 lượt dự án với số vốn điều chỉnh tăng thêm hơn 3,7 tỷ USD; thông báo chấp thuận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp cho 310 lượt với giá trị 305 triệu USD.

Một số dự án đầu tư nước ngoài thu hút và điều chỉnh tăng vốn tiêu biểu trong giai đoạn như: dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp và thử nghiệm vật liệu, thiết bị bán dẫn tại KCN Yên Phong II-C do AMKOR Technology Singapore PTE. LTD (Hàn Quốc) làm nhà đầu tư với tổng vốn đăng ký là hơn 529 triệu USD; dự án nhà máy chế tạo thiết bị điện tử, phương tiện thiết bị mạng và các sản phẩm âm thanh đa phương tiện của Tập đoàn Goertek (Hong Kông) với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh hơn 565 triệu USD; dự án đầu tư xây dựng, kinh

doanh khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh thực hiện điều chỉnh vốn với số vốn đầu tư tăng thêm 01 tỷ USD...

Những kết quả đạt được trong thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài đã đóng góp tích cực vào tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, tăng thu ngân sách, kim ngạch xuất khẩu, giải quyết việc làm và góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp.

Trong giai đoạn 2018 - 2022, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã đóng góp hơn 46.652 tỷ đồng, chiếm 30,5% tổng thu ngân sách toàn tỉnh; chiếm hơn 99,6% giá trị xuất khẩu hàng năm toàn tỉnh; đến năm 2022, nhóm ngành công nghiệp - xây dựng tiếp tục chiếm ưu thế với tỷ lệ 75,92%; số lao động làm việc trong khu vực đầu tư nước ngoài là 316.872 lao động, chiếm 40,14% lực lượng lao động và lao động đang làm việc của tỉnh...

Có thể thấy, nguồn vốn FDI đã có những đóng góp to lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Ninh. Khu vực FDI đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế địa phương. Theo đó, tỉ lệ đóng góp của khu vực FDI trong GRDP toàn tỉnh tăng dần qua các năm.

Bên cạnh những đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế-xã hội, sự xuất hiện của các dự án FDI đã trở thành nhân tố thúc đẩy sự hình thành và phát triển nhanh chóng của hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội gồm giao thông, điện, nước, viễn thông, đặc biệt là hạ tầng các KCN, góp phần phát triển nhanh các khu đô thị, bệnh viện, trường học, trung tâm thương mại...

Các doanh nghiệp FDI cũng đã đóng góp, ủng hộ tích cực cho nhiều dự án thuộc các công trình phúc lợi công cộng, các hoạt động văn hóa xã hội của địa phương. Có thể khẳng định nguồn lực từ khu vực FDI đã tạo được sức bật mạnh mẽ, là tiền đề quan trọng để Bắc Ninh, một tỉnh “đất chật, người đông”, phát triển đồng bộ, hiện đại

Thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập kinh tế thế giới, với lợi thế về vị trí địa lý cùng khả năng liên kết vùng, khu vực thuận lợi, nguồn nhân lực chất lượng và sự năng động của lãnh đạo Tỉnh, những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã thu hút có hiệu quả dòng vốn FDI.

### **1.3.3.2. Kinh nghiệm của tỉnh Vĩnh Phúc**

Tính đến năm 2022, toàn tỉnh có 462 dự án FDI, tổng vốn đăng ký 7,41 tỷ USD; 824 dự án DDI, tổng vốn đầu tư 110 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, dù giảm so với năm 2021 nhưng thu hút FDI cả năm 2022 vẫn vượt kế hoạch đặt ra. Tính chung hai năm 2021-2022, thu hút FDI của Vĩnh Phúc đạt trên 1,6 tỷ USD, bằng 80% mục tiêu cả nhiệm kỳ 2021-2025.

Sự có mặt của các dự án đầu tư lớn, các tập đoàn đa quốc gia không chỉ đóng góp chủ lực cho tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho người lao động mà còn tạo ra “làn sóng” đầu tư mới cho Vĩnh Phúc. Một thời kỳ mới đã mở ra cho chu trình hợp tác giữa Vĩnh Phúc với các nhà đầu tư chiến lược.

Đến nay, tại Vĩnh Phúc đã có các dự án lớn, nhà đầu tư chiến lược cũng như có sự đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia như: Công ty Toyota Việt Nam, Honda Việt Nam, Piaggio Việt Nam. Các nhà đầu tư này đã góp phần tạo nên bức tranh kinh tế Vĩnh Phúc hiện tại bởi những đóng góp quan trọng của họ đối với thu ngân sách, giải quyết việc làm và thúc đẩy xuất khẩu của tỉnh.

Có thể thấy, sự hiện diện, ăn nên làm ra của các doanh nghiệp FDI đã thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước không ngừng đổi mới công nghệ, phương thức quản lý để nâng cao hơn chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ trên thị trường; thúc đẩy sự hình thành, phát triển của nhiều ngành, lĩnh vực, dịch vụ và đóng vai trò quan trọng trong việc giới thiệu, xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh của Việt Nam nói chung, tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng đến bạn bè thế giới. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới, thông qua các nhà đầu tư FDI, Vĩnh Phúc đã tạo lập được quan hệ hợp tác kinh tế với nhiều địa phương trên thế giới như: Tỉnh Cheongbuk, tỉnh Gyeonggi (Hàn Quốc); tỉnh Saitama, Shizuoka, Tochigi (Nhật Bản), bang Oregon (Hoa Kỳ) hay các tập đoàn kinh tế lớn như Sojitz, Sumitomo, Compal, Deawoo Bus...kéo theo đó là sự thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Với nền tảng vững chắc được xây dựng trong gần 3 thập kỷ kể từ khi tách tỉnh, Vĩnh Phúc đang đứng trước nhiều cơ hội để thu hút làn sóng đầu tư chiến lược mới bên cạnh việc hỗ trợ thúc đẩy mở rộng đầu tư mạnh mẽ hơn nữa từ các nhà đầu tư chiến lược hiện hành. Ngoài các lợi thế sẵn có về vị trí địa lý, hạ tầng thì yếu tố mang tính quyết định nhất là sự năng động, chủ động, cầu thị, sát sao của toàn bộ hệ thống chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh trong việc kết nối, xây dựng quan hệ đối tác tin cậy, chân thành, hiệu quả với nhà đầu tư hiện tại và tương lai nhằm tạo đột phá phát triển cho Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tất cả các địa phương trong cả nước đã và đang chuyển động, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh thì trong vòng 10 năm qua, số lượng các nhà đầu tư chiến lược hiện diện tại Vĩnh Phúc không nhiều so với một số tỉnh, thành trong khu vực đồng bằng Sông Hồng như: Bắc Giang, Thái Nguyên, Hải Phòng, Bắc Ninh và chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của tỉnh. Thêm vào đó, các ngành công nghiệp mũi nhọn cũng có xu hướng giảm và mất dần lợi thế cạnh tranh. Điều này cho thấy Vĩnh Phúc cần thay đổi và cần có chiến lược mới trong thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao trong giai đoạn tới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhất là 5 nhiệm vụ trọng tâm, 3 khâu đột phá, Vĩnh Phúc đang đẩy mạnh chuyển dịch mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, từ hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng thấp sang hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao hơn. Đồng thời điều chỉnh chiến lược thu hút đầu tư trong thập niên thứ 3 của thế kỷ này theo hướng chủ động, tích cực, trọng tâm, trọng điểm tập trung vào những ngành nghề, lĩnh vực mũi nhọn trên cơ sở hợp tác hiệu quả với các đối tác đầu tư chiến lược, đưa Vĩnh Phúc trở thành trung tâm công nghiệp chế tạo công nghệ cao không những của Việt Nam mà còn của khu vực và thế giới.

Việc điều chỉnh chiến lược thu hút đầu tư, hướng đến các nhà đầu tư lớn, các tập đoàn đa quốc gia có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, có giá trị gia tăng cao không chỉ đưa kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển mà còn góp phần hình

thành, phát triển các trung tâm đổi mới phát triển, các chuỗi sản xuất, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, hàm lượng giá trị gia tăng của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước, cải thiện lợi thế cạnh tranh của tỉnh Vĩnh Phúc trong bối cảnh hội nhập.

### **Các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư**

**Về công nghiệp:** khuyến khích, thu hút các công ty đầu tư theo chuỗi, phát triển các ngành công nghiệp ô tô, xe máy, cơ khí chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, điện tử, viễn thông, công nghiệp chế biến thực phẩm và các dự án công nghiệp hỗ trợ thuộc các lĩnh vực trên.

**Về nông nghiệp:** ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các dự án sản xuất rau quả sạch và chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghệ cao, các dự án chế biến sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

**Về du lịch, dịch vụ:** ưu tiên các dự án y tế, giáo dục, đào tạo nghề chất lượng cao, các dự án du lịch, khách sạn nhà hàng, khu nghỉ dưỡng cao cấp.

**Về hạ tầng:** ưu tiên các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, nhất là đầu tư vào cơ sở hạ tầng chuyên biệt, tạo kết nối và liên kết cụm ngành; các dự án xử lý nước thải, rác thải công nghiệp và sinh hoạt.

Để đạt và vượt các mục tiêu thu hút đầu tư giai đoạn 2022-2025, Vĩnh Phúc sẽ đổi mới hoạt xúc tiến đầu tư; nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ giúp việc của Chủ tịch UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; ban hành nhiều cơ chế, chính sách để đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư vào tỉnh. Cụ thể, giai đoạn 2022-2025, tỉnh thực hiện đồng bộ 3 nhóm giải pháp

- Xây dựng cơ chế, chính sách cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực; minh bạch các hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư; tăng cường kết nối, tích hợp dịch vụ công trực tuyến gắn với phát triển chính quyền số, kinh tế số xã hội số.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng cơ sở đồng bộ; thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư và thu hút đầu tư chọn lọc.



- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ nhà đầu tư và giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư.

### **1.3.3.3. Kinh nghiệm của tỉnh Hà Nam**

Trong những năm gần đây, với các chính sách thông thoáng, môi trường đầu tư của tỉnh Hà Nam luôn được đánh giá cao, và đã trở thành một trong số các tỉnh, thành phố thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cao.

Trong năm 2022, toàn tỉnh thu hút 62 dự án (bằng 126,5% so với năm 2021), trong đó có 17 dự án FDI và 45 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 175 triệu USD và 19.990,7 tỷ đồng. Hiện có 14 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn, trong đó lớn nhất là Hàn Quốc với 149 dự án với tổng vốn đăng ký 1,7 tỷ USD; kế đến là Nhật Bản với 111 dự án và số vốn đăng ký 1,3 tỷ USD. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.123 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 357 dự án FDI và 766 dự án trong nước, với vốn đăng ký 5,085,6 tỷ USD và 164.807,3 tỷ đồng.

Thời gian gần đây, Hà Nam không chỉ thu hút được nhiều dự án lớn trong lĩnh vực công nghiệp mà còn là điểm đến của các dự án thương mại, dịch vụ, nổi bật có thể kể đến các dự án: Nhà máy Sản xuất, lắp ráp và gia công bóng đèn LED của Công ty TNHH Seoul Semiconductor Vina vốn đầu tư đăng ký 300 triệu USD; Nhà máy Sản xuất màn hình LCD-QISDA Việt Nam của Công ty Qisda Corporation vốn đầu tư 263 triệu USD; Nhà máy sản xuất sản phẩm điện tử công nghệ cao của Công ty Wistron Corporation vốn đầu tư 274 triệu USD; ...

#### **Hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước:**

Tỉnh chú trọng “xúc tiến tại chỗ” với nhiều giải pháp sáng tạo, hiệu quả, nhất là thông qua việc đổi mới hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

Đầu tiên, tỉnh thường xuyên trao đổi, liên lạc, thiết lập mối quan hệ với các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước để phối hợp, tham gia các hội thảo, hoạt động xúc tiến đầu tư như: Tổ chức làm việc với các đoàn doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến thăm và tìm hiểu môi trường đầu tư của tỉnh Hà Nam; làm việc với các cơ quan ngoại giao của Việt Nam tại nước ngoài và các cơ quan nước ngoài tại Việt Nam để giới thiệu môi trường đầu tư

của tỉnh. Trong các chuyến xúc tiến đầu tư, đoàn công tác của tỉnh trực tiếp gặp gỡ, mời gọi đầu tư: Giới thiệu những thông tin tổng quan về tiềm năng, lợi thế, kết quả thu hút đầu tư, cơ hội đầu tư, chính sách thu hút đầu tư vào địa phương; lắng nghe ý kiến trao đổi của nhà đầu tư; giải đáp thắc mắc, mối quan tâm của doanh nghiệp trong quá trình tìm hiểu và đầu tư vào tỉnh Hà Nam. Trong năm 2022, toàn tỉnh có 789 doanh nghiệp và 63 chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập mới, tăng 18% so với năm 2021 với tổng vốn đăng ký 10.815 tỷ đồng, tăng 4,5%; lũy kế đến nay toàn tỉnh có 8.215 doanh nghiệp được thành lập, 5.500 doanh nghiệp đang hoạt động.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng duy trì đối thoại thường xuyên với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư, đảm bảo các dự án triển khai đúng tiến độ nhằm tiếp tục củng cố lòng tin, tạo hiệu ứng lan tỏa và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới. Trong năm 2022, lãnh đạo tỉnh Hà Nam đã tổ chức nhiều hội nghị gặp mặt các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để lắng nghe ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, từ đó đưa ra những giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

#### **Hoạt động xúc tiến đầu tư ngoài nước:**

Tỉnh Hà Nam đã tổ chức thành công các hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc) để giới thiệu, quảng bá lợi thế tiềm năng, định hướng thu hút đầu tư và những cam kết của tỉnh đối với các nhà đầu tư. Đồng thời xây dựng các ấn phẩm phục vụ công tác xúc tiến đầu tư bằng các ngôn ngữ: Việt, Anh, Hàn Quốc, Nhật Bản (Guibook, profile, danh mục lĩnh vực, dự án kêu gọi đầu tư, đĩa DVD,...); cung cấp thông tin xây dựng các chuyên đề giới thiệu về tình hình phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đầu tư của tỉnh Hà Nam.

#### **Kết quả cải thiện môi trường đầu tư**

Tỉnh đẩy mạnh phát triển công nghiệp và tiến độ xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng khai thác tối đa lợi thế về hạ tầng giao thông, dịch vụ hậu cần. Hà Nam tích cực thu hút đầu tư, đốc đốc hoàn thiện thủ

tục, thúc đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

Với quan điểm thu hút, hợp tác đầu tư có chọn lọc các dự án tiết kiệm đất, tiết kiệm năng lượng sử dụng ít công nhân; lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu, tỉnh Hà Nam tập trung hướng đến việc kêu gọi các doanh nghiệp nước ngoài có thế mạnh phù hợp với định hướng của tỉnh.

Bên cạnh việc tập trung xây dựng quy hoạch tỉnh, bổ sung quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao Hà Nam, tỉnh ưu tiên nguồn lực đầu tư theo hướng đồng bộ về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông đảm bảo kết nối, thông suốt; hệ thống hạ tầng cấp điện, viễn thông và cấp thoát nước đến chân hàng rào nhà máy, đáp ứng đầy đủ, ổn định nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp.

Tỉnh còn đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục về cấp chứng nhận đầu tư, xây dựng, môi trường, đất đai,... đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tuyển dụng lao động, thực hiện các thủ tục về đăng ký mẫu dấu, mã số thuế, trực tiếp làm đầu mối thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác nhận tài sản trên đất,...

Ngoài ra, tỉnh chú trọng phát huy, quảng bá các lợi thế; quan tâm chuẩn bị quỹ đất sạch, đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu công nghiệp đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà đầu tư và hạ tầng xã hội, như: Nhà ở công nhân, nhà trẻ, dịch vụ thương mại phục vụ nhu cầu chuyên gia nước ngoài và công nhân lao động tại các khu công nghiệp. Đồng thời, tỉnh quan tâm quy hoạch và thu hút doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân triển khai đồng bộ với quy hoạch phát triển các khu công nghiệp và khu vui chơi giải trí phục vụ chuyên gia và người lao động; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng; tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, nhất là các dịch vụ về điện, nước sạch, bảo đảm phục vụ tốt hoạt động sản xuất, kinh doanh.

#### **1.3.3.4. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Ninh Bình**

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm trong thu hút và sử dụng FDI ở một số địa phương cho thấy, muốn hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả FDI cần có giải pháp tạo điều kiện hấp dẫn để thu hút được FDI, đặc biệt là FDI từ các nước phát triển, các nước có công nghệ cao, công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, mục tiêu của các nhà đầu tư nước ngoài nhiều khi không đồng nhất với mục tiêu của quốc gia hay địa phương tiếp nhận FDI. Vì lợi nhuận, các chủ thể FDI luôn tìm mọi cách tối thiểu hóa chi phí, do đó cần có tầm nhìn trong hoạch định chính sách thu hút vốn FDI, sử dụng FDI cùng với quản lý nhà nước hiệu quả về nguồn vốn này. Đối với Ninh Bình, có thể tham khảo các bài học kinh nghiệm sau:

*Thứ nhất*, tạo môi trường kinh tế, chính trị, xã hội ổn định và tăng cường vai trò của chính quyền địa phương. Để tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả FDI, thời gian qua các tỉnh Bắc Ninh đã triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và đồng hành cùng nhà đầu tư nước ngoài để hướng dẫn, tạo điều kiện, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án đầu tư thực hiện đúng cam kết, kiên quyết thu hồi các dự án triển khai chậm tiến độ... Do vậy, đối với Ninh Bình, việc tăng cường vai trò của chính quyền Tỉnh trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài là cần thiết, để tạo môi trường thuận lợi cho thu hút đầu tư FDI vào phát triển kinh tế địa phương.

*Thứ hai*, cải thiện môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động đầu tư. Các chính sách ưu tiên, ưu đãi thu hút FDI vào các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã mang lại thành công lớn trong thu hút nguồn vốn FDI.

*Thứ ba*, làm tốt công tác quy hoạch và tăng cường quản lý thực hiện tốt quy hoạch. Việc lập quy hoạch phải dựa trên nghiên cứu đánh giá những tiềm năng lợi thế trong phát triển kinh tế - xã hội, dự báo về xu thế của FDI và lộ trình thực hiện việc thu hút và sử dụng FDI theo hướng hiệu quả;

*Thứ tư*, đầu tư cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài. Thực tế triển khai hoạt động đầu tư vào cơ sở hạ tầng để thu hút FDI ở các tỉnh Bắc Ninh cho thấy, việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật không chỉ tăng sự hấp dẫn của môi trường đầu tư mà còn tạo điều kiện

thuận lợi cho các nhà đầu tư, tăng thu hút vốn FDI đầu tư địa phương... Do vậy, thời gian tới, Ninh Bình cần có chính sách ưu đãi hấp dẫn đối với một số dự án hạ tầng kinh tế xã hội có quy mô lớn, có tính lan tỏa cao và tác động tích cực đến sự phát triển chung của Tỉnh...

*Thứ năm*, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phù hợp với yêu cầu thu hút FDI. Thời gian qua các tỉnh Bắc Ninh, đã tập trung phát triển và đổi mới cơ bản đào tạo, dạy nghề theo yêu cầu của thị trường và hoàn thiện theo hướng tiếp cận với chuẩn mực quốc tế, từ đó nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ lao động trong Tỉnh... Đây là kinh nghiệm mà tỉnh Ninh Bình có thể chọn lọc và áp dụng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phù hợp với yêu cầu thu hút FDI vào địa bàn Tỉnh.

*Thứ sáu*, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư. Đây là cách làm mà Bắc Ninh đã thực hiện tốt trong quá trình thu hút FDI vào địa phương. Do đó, Ninh Bình cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư của Tỉnh. Cụ thể là tổ chức tốt các hoạt động kêu gọi đầu tư thông qua hội chợ thương mại, triển lãm... để tiếp thị hình ảnh và tiềm năng của địa phương trên trường quốc tế; Tập trung tìm kiếm nhà đầu tư tốt, chú trọng năng lực thực chất của nhà đầu tư...

## **Chương 2 - THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THU HÚT FDI Ở TỈNH NINH BÌNH**

### **2.1. Đặc điểm của môi trường đầu tư trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Ninh Bình**

#### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội**

##### **2.1.1.1. Vị trí địa lý**

Ninh Bình nằm ở vị trí ranh giới 3 khu vực địa lý: Tây Bắc, châu thổ sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Tỉnh này cũng nằm giữa 3 vùng kinh tế: vùng Hà Nội, vùng duyên hải Bắc Bộ và vùng duyên hải miền Trung. Ninh Bình nằm ở trọng tâm của nửa phía Bắc Việt Nam, khu vực các tỉnh từ Thừa Thiên Huế trở ra, có vị trí địa lý:

- Phía bắc giáp các tỉnh Hòa Bình, Hà Nam
- Phía đông giáp tỉnh Nam Định qua sông Đáy
- Phía tây giáp tỉnh Thanh Hóa
- Phía nam giáp Biển Đông với bờ biển dài 16 km (Ninh Bình là tỉnh có bờ biển ngắn nhất Việt Nam).

Các điểm cực của tỉnh Ninh Bình:

- Điểm cực Đông  $106^{\circ}10'D$  tại cảng Đò Mười, xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh.
- Điểm cực Tây  $105^{\circ}32'D$  tại rừng Cúc Phương, huyện Nho Quan.
- Điểm cực Nam  $19^{\circ}53'B$  tại bãi biển gần xã Kim Đông, huyện Kim Sơn.
- Điểm cực Bắc  $20^{\circ}27'B$  tại vùng núi xã Xích Thổ, huyện Nho Quan.
- Trung tâm tỉnh là thành phố Ninh Bình cách thủ đô Hà Nội 93 km về phía nam. Thành phố Tam Điệp cách Thủ đô Hà Nội 105 km.

Tỉnh Ninh Bình có diện tích:  $1.412 \text{ km}^2$ , dân số là 1.010.700 người (theo điều tra dân số năm 2022), 21% dân số sống ở đô thị và 79% dân số sống ở nông thôn, mật độ dân số đạt 716 người/ $\text{km}^2$ .

##### **2.1.1.2. Địa hình**

Địa hình Ninh Bình có 3 vùng rõ rệt:

#### ❖ Vùng đồng bằng

Bao gồm: Thành phố Ninh Bình, huyện Yên Khánh, huyện Kim Sơn và diện tích còn lại của các huyện khác trong tỉnh, diện tích khoảng 101 nghìn ha, chiếm 71,1% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, là nơi tập trung dân cư đông đúc nhất tỉnh, chiếm khoảng 90% dân số toàn tỉnh. Vùng này độ cao trung bình từ 0,9÷1,2m, đất đai chủ yếu là đất phù sa được bồi và không được bồi. Tiềm năng phát triển của vùng là nông nghiệp: Trồng lúa, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày. Về công nghiệp có cơ khí sửa chữa tàu, thuyền, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp dệt, may, thương nghiệp dịch vụ, phát triển cảng sông.

#### ❖ Vùng đồi núi và bán sơn địa

Vùng này nằm ở phía tây và Tây Nam của tỉnh, bao gồm các khu vực phía Tây Nam huyện Nho Quan và thị xã Tam Điệp, phía tây huyện Gia Viễn, phía Tây Nam huyện Hoa Lư và Tây Nam huyện Yên Mô. Diện tích toàn vùng này khoảng 35.000 ha, chiếm 24% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Độ cao trung bình từ 90-120m. Đặc biệt khu vực núi đá có độ cao trên 200m.

Vùng này tập trung tới 90% diện tích đồi núi và diện tích rừng của tỉnh, do đó rất thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp như: Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất mía đường, chế biến gỗ, chế biến hoa quả, du lịch, chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò, dê), trồng cây ăn quả (dứa, vải, na), trồng cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê và trồng rừng.

#### ❖ Vùng ven biển

Ninh Bình có trên 15km bờ biển. Vùng này thuộc diện tích của 4 xã ven biển huyện Kim Sơn là: Kim Trung, Kim Hải, Kim Đông, Kim Tân, diện tích khoảng 6.000 ha, chiếm 4,2% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Đất đai ở đây còn nhiều mặn nhiều do mới bồi tụ nên đang trong thời kỳ cải tạo, vì vậy chủ yếu phù hợp với việc trồng rừng phòng hộ (sú, vẹt), trồng cói, trồng một vụ lúa và nuôi trồng thủy hải sản.

### **2.1.1.3. Giao thông**

Ninh Bình là một điểm nút giao thông quan trọng từ miền Bắc vào miền Trung và miền Nam.

Đường bộ: Trên địa bàn tỉnh có quốc lộ 1A, quốc lộ 10, quốc lộ 12A, 12B, 59A.

Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc- Nam chạy qua tỉnh Ninh Bình có chiều dài 19 km với 4 ga (Ninh Bình, Cầu Yên, Ghềnh và Đồng Giao) thuận tiện trong vận chuyển hành khách, hàng hoá và vật liệu xây dựng. .

Đường thuỷ: Tỉnh Ninh Bình có hệ thống giao thông thuỷ rất thuận lợi do có nhiều con sông lớn như: Sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Càn, sông Vạc, sông Vân, sông Lạng. Ngoài ra còn có các cảng lớn như: Cảng Ninh Phúc, cảng Ninh Bình, Kim Sơn, góp phần không nhỏ vào phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

#### **2.1.1.4. Tài nguyên**

❖ Tài nguyên đất: Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 1.390 km<sup>2</sup> với các loại đất phù sa, đất Feralitic.

❖ Tài nguyên nước: Bao gồm tài nguyên nước mặt và tài nguyên nước ngầm

Tài nguyên nước mặt: Khá dồi dào, thuận lợi cho việc tưới, phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ giao thông vận tải thuỷ. Ninh Bình có mật độ các hệ thống sông, suối ở mức trung bình với tổng chiều dài các con sông chính trên 496km, chiếm diện tích 3.401ha, mật độ đạt 0,5km/km<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, trong tỉnh còn có 21 hồ chứa nước lớn, diện tích 1.270ha, với dung tích 14,5 triệu m<sup>3</sup> nước, năng lực tưới cho 4.438 ha.

Nguồn nước ngầm: Nước ngầm ở Ninh Bình chủ yếu thuộc địa bàn huyện Nho Quan và thị xã Tam Điệp. Tổng lượng nước ngầm Rịa (Nho Quan) đạt 361.391m<sup>3</sup>/ngày. Vùng Tam Điệp 112.183m<sup>3</sup>/ngày.

❖ Tài nguyên rừng.

So với các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Ninh Bình là tỉnh có diện tích rừng lớn nhất với khoảng 19.033ha, chiếm 23,5% diện tích rừng của vùng, chiếm 13,3% diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

Rừng tự nhiên: Tổng diện tích là 13.633,2ha, trữ lượng gỗ 1,1 triệu m<sup>3</sup>, tập trung chủ yếu ở huyện Nho Quan.

Rừng nguyên sinh Cúc Phương thuộc loại rừng nhiệt đới điển hình, động thực vật đa dạng, phong phú.



Rừng trồng: Diện tích đạt 5.387ha, tập trung ở huyện Nho Quan, Hoa Lư, Kim Sơn, thị xã Tam Điệp, với các cây trồng chủ yếu là thông nhựa, keo, bạch đàn, cây ngập mặn (vẹt và sậy).

❖ Tài nguyên biển

Bờ biển Ninh Bình dài trên 15km với hàng nghìn hecta bãi bồi. Cửa Đáy là cửa lớn nhất, có độ sâu khá, đảm bảo tàu thuyền lớn, trọng tải hàng ngàn tấn ra vào thuận tiện.

Vùng biển Ninh Bình có tiềm năng nuôi trồng, khai thác, đánh bắt nguồn lợi hải sản với sản lượng từ 2000÷2.500tấn/năm.

❖ Tài nguyên khoáng sản:

Tài nguyên đá vôi: Đá vôi là nguồn tài nguyên khoáng sản lớn nhất của Ninh Bình. Với những dãy núi đá vôi khá lớn, chạy từ Hoà Bình, theo hướng tây bắc – đông nam, qua Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, thị xã Tam Điệp, Yên Mô, tới tận biển Đông, dài hơn 40 km, diện tích trên 1.2000ha, trữ lượng hàng chục tỷ mét khối đá vôi và hàng chục triệu tấn đolômít. Đây là nguồn nguyên liệu lớn để sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng và một số hóa chất khác.

Tài nguyên đất sét: Phân bố rải rác ở các vùng đồi núi thấp thuộc xã Yên Sơn, Yên Bình (thị xã Tam Điệp), huyện Gia Viễn, Yên Mô, dùng để sản xuất gạch ngói và nguyên liệu ngành đúc.

Tài nguyên nước khoáng: Nước khoáng Ninh Bình chất lượng tốt, tập trung chủ yếu ở Cúc Phương ( Nho Quan) và Kênh Gà (Gia Viễn) có thể khai thác phục vụ sinh hoạt và du lịch với trữ lượng lớn. Đặc biệt nước khoáng Kênh Gà có độ mặn, thường xuyên ở độ nóng 53÷540C. Nước khoáng Cúc Phương có thành phần Magiêbicarbonat cao, sử dụng chế phẩm nước giải khát, chữa bệnh.

Tài nguyên than bùn: Trữ lượng nhỏ, khoảng trên 2 triệu tấn, phân bố ở các xã Gia Sơn, Sơn Hà (Nho Quan), Quang Sơn ( thị xã Tam Điệp), có thể sử dụng để sản xuất phân vi sinh, phục vụ sản xuất nông nghiệp.

#### **2.1.1.4. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Ninh Bình có vị trí quan trọng của vùng cửa ngõ miền Bắc và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Đây là nơi tiếp nối giao lưu kinh tế và văn hoá giữa khu

vực châu thổ sông Hồng với Bắc Trung Bộ, giữa vùng đồng bằng Bắc Bộ với vùng rừng núi Tây Bắc. Thế mạnh kinh tế nổi bật của Ninh Bình là các ngành công nghiệp vật liệu xây dựng và du lịch.

Kinh tế tiếp tục phục hồi trong trạng thái bình thường mới, Tổng sản phẩm xã hội (GRDP) trên địa bàn tỉnh (theo giá SS 2010) năm 2022 đạt 49.639 tỷ đồng, tăng 8,62% so với năm 2021, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch là 7,0%). Trong đó, khu vực nông - lâm - thủy sản đạt 4.526 tỷ đồng, tăng 3,04%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 18.421 tỷ đồng, tăng 5,67%, riêng công nghiệp đạt 14.169 tỷ đồng, tăng 5,96%; khu vực dịch vụ đạt 17.950 tỷ đồng, tăng 15,45%; thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 8.741 tỷ đồng, tăng 4,99% so với năm 2021.

Quy mô nền kinh tế đạt 81.775 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 81 triệu đồng, tăng 9,1 triệu đồng so với năm 2021. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ với tỷ trọng dịch vụ là 44,2%; công nghiệp - xây dựng là 45,2%; nông, lâm, thủy sản là 10,6%.

### ***Sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản và đầu tư phát triển***

- Sản xuất công nghiệp của tỉnh đã khắc phục khó khăn trong những tháng đầu năm duy trì đà tăng trưởng so với cùng kỳ; tổng giá trị sản xuất (theo giá SS 2010) đạt 99.558 tỷ đồng, tăng 7,2% so với năm 2021; chỉ số phát triển công nghiệp (IIP) tăng 4,32%. Đã hỗ trợ Tập đoàn Thành Công xây dựng hoàn thành và tổ chức khánh thành Nhà máy HTMV số 2.

- Công tác phát triển nghề, làng nghề được quan tâm, duy trì phát triển, góp phần gìn giữ và phát huy nét văn hóa truyền thống của địa phương, tạo việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn, tạo ra nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu của địa phương phục vụ du lịch và làm hàng xuất khẩu. Thành lập Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ lần thứ V...

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2022 đạt trên 29.300 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2021 và vượt 7,8% kế hoạch năm; trong đó: vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3.108 tỷ đồng, tăng 98%; vốn ngoài nhà nước đạt 20.984,8 tỷ

đồng, tăng 4,1%; vốn ngân sách nhà nước đạt 5.185,6 tỷ đồng, giảm 5,1%. Cơ cấu vốn đầu tư có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản tiếp tục có chuyển biến tích cực, đi vào nề nếp; việc xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công được thực hiện bài bản, đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo phù hợp với khả năng huy động nguồn lực. Việc bố trí vốn đảm bảo tập trung, không dàn trải, có trọng tâm, trọng điểm; được điều chỉnh linh hoạt đảm bảo nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công.

Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm là 5.210,4 tỷ đồng, số vốn giải ngân đạt 5.038,1 tỷ đồng, đạt 93,9% kế hoạch vốn. Ninh Bình luôn đứng trong nhóm các địa phương có tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công cao nhất trên cả nước.

Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, giao thông vận tải:

- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng, tiến độ lập các quy hoạch trên địa bàn tỉnh, nhất là Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung đô thị... Công tác phát triển đô thị được tăng cường, triển khai lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo cơ sở thu hút đầu tư, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 28,1%, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra. Công tác cấp phép xây dựng được thực hiện nghiêm túc, thời gian thực hiện rút gọn, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời, thực hiện nghiêm việc kiểm tra sau cấp phép, quản lý trật tự đô thị.

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục đầu tư nhất là các công trình dự án có tính chất chiến lược; công tác quản lý vận tải được chỉ đạo đồng bộ góp phần ổn định sản xuất, phục vụ tốt nhu cầu đi lại cũng như lưu thông hàng hóa của nhân dân. Công tác thanh tra, kiểm tra với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông được tăng cường.

### ***Lĩnh vực dịch vụ***

Tổng giá trị sản xuất (theo giá SS 2010) ngành dịch vụ năm 2022 đạt 34.471 tỷ đồng, tăng 17,95% so với năm 2021; cụ thể như sau:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa toàn tỉnh năm 2022 đạt 39.060 tỷ đồng, tăng 71,6% so với năm 2021 với 12/12 nhóm hàng hóa tăng cao

- Hoạt động xuất khẩu của tỉnh duy trì được tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ; tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2022 đạt 3,15 tỷ USD, tăng 6,6% so với năm 2021 và vượt 12,5% kế hoạch năm; thị trường xuất khẩu của tỉnh tiếp tục duy trì và mở rộng, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã xuất khẩu hàng hóa sang 80 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhiều doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị và cung ứng toàn cầu.

- Hoạt động nhập khẩu chủ yếu phục vụ đầu tư, linh kiện cho sản xuất; tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2022 đạt 3,25 tỷ USD, tăng 2,0% so với năm 2021. Các nhóm hàng nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn: linh kiện phụ tùng ô tô các loại đạt 1.050,8 triệu USD, linh kiện điện tử đạt 1.052,4 triệu USD, phụ liệu sản xuất giày dép đạt 829,2 triệu USD, vải may mặc và phụ liệu đạt 170,8 triệu USD...

- Hoạt động vận tải năm 2022 có bước phục hồi tích cực ở tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là vận tải hành khách khi các tuyến xe khách liên tỉnh được phép hoạt động trở lại, vận tải hàng hóa tăng nhanh cùng với sự khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh. Vận tải hành khách ước đạt 28,7 triệu lượt, tăng 69,5% so với năm 2021; vận tải hàng hóa đạt gần 74,9 triệu tấn, tăng 43,3%; doanh thu đạt trên 9,3 nghìn tỷ đồng, tăng 47,3% so với năm 2021.

- Hoạt động du lịch có bước phục hồi mạnh mẽ, cải thiện cả chất lượng và số lượng, nhiều hoạt động du lịch, sản phẩm du lịch đặc sắc được tổ chức như: tuần lễ du lịch Cúc Phương đại ngàn và Ngày văn hóa, thể thao các dân tộc huyện Nho Quan; Tuần du lịch Ninh Bình năm 2022 với chủ đề “Sắc vàng Tam Cốc - Tràng An”..., nhất là việc triển khai hoạt động du lịch về đêm tại Phố Cổ Hoa Lư đã tạo được điểm nhấn thu hút du khách, lượng khách đến với Ninh Bình tăng cao so với năm 2021. Tổng lượt khách đến các điểm tham quan trên

địa bàn tỉnh đạt 3,69 triệu lượt, tăng gấp 3,6 lần so với năm 2021, vượt 47,6% so với kế hoạch năm; doanh thu du lịch đạt 3.450 tỷ đồng, tăng gấp 3,7 lần so với năm 2021; doanh thu trung bình trên 01 lượt khách gấp 2 lần so với năm 2019.

Công tác quản lý, kiểm tra các hoạt động dịch vụ du lịch được tăng cường, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục hạn chế trong các hoạt động du lịch; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, kiểm soát chất lượng dịch vụ du lịch nhằm xây dựng môi trường du lịch văn minh, an toàn, thân thiện.

Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp:

- Công tác thu hút đầu tư được đổi mới mạnh mẽ, theo hướng thực chất; toàn tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu cho 19 dự án, giảm 11 dự án so với cùng kỳ; cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh cho 66 dự án, tăng 11 lượt dự án so với cùng kỳ năm 2021; tổng vốn đăng ký gồm cả đăng ký mới và điều chỉnh tăng thêm là 5.817 tỷ đồng, tăng gấp 1,62 lần so với cùng kỳ.

- Công tác phát triển doanh nghiệp được tập trung chỉ đạo, với tác động tích cực từ những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ và địa phương, hoạt động đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có sự khởi sắc với số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng; trong năm đã tổ chức gặp mặt các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh, gặp mặt nhân kỷ niệm 77 năm Ngày Doanh nhân Việt Nam nhằm biểu dương, ghi nhận, tôn vinh những đóng góp to lớn của doanh nghiệp, doanh nhân đối với sự phát triển của tỉnh. Toàn tỉnh đăng ký thành lập mới 1.057 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc (tăng 41,12% so với cùng kỳ) với tổng số vốn đăng ký đạt 5.595,21 tỷ đồng (giảm 48,37% so với cùng kỳ); có 320 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc hoạt động trở lại (tăng 49,5% so với cùng kỳ).

### **2.1.2. Cải cách thủ tục hành chính và các chính sách thu hút**

Xác định công tác cải cách hành chính là một trong những yếu tố quyết định đến công tác xúc tiến đầu tư, tỉnh và các sở, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực đổi mới quản lý điều hành, tạo bước đột phá nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Qua đó thu hút các nhà đầu tư, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Trong những năm gần đây, công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã đạt nhiều kết quả tích cực. Đặc biệt, nhờ thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa liên thông, chất lượng phục vụ, công tác kiểm soát việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức ngày càng được nâng lên, góp phần quan trọng trong công tác cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển.

### **Quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành**

Xác định cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là một trong những khâu đột phá thúc đẩy quá trình cải cách hành chính (CCHC), thời gian qua, tỉnh Ninh Bình đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Ngay từ đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành và quyết tâm thực hiện Chương trình công tác năm với 198 nhiệm vụ trọng tâm và các nhiệm vụ đột xuất phát sinh. Trong năm, UBND tỉnh đã ban hành 228 văn bản chỉ đạo, thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm là: chỉ đạo thực hiện việc cắt giảm tối đa thời gian giải quyết TTHC về đầu tư công và đầu tư ngoài ngân sách; triển khai các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế; chú trọng xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành 948 văn bản chỉ đạo về công tác CCHC.

Năm 2023, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, công tác CCHC, nhất là đối với cấp cơ sở.

Bên cạnh kiểm tra trực tiếp, hoạt động kiểm tra còn được tiến hành thông qua hoạt động thẩm định, xác định chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Qua việc đánh giá chỉ số góp phần giúp các cơ quan, đơn vị chủ động nhìn nhận, nghiêm túc đánh giá lại công tác CCHC, kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục, đẩy mạnh thực hiện CCHC.

### **Đổi mới, nâng cao hiệu quả Bộ phận Một cửa**

Thời gian qua, địa phương đã chủ động đổi mới, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của Bộ phận Một cửa theo thẩm quyền; có cơ chế, chính sách phù

hợp, bảo đảm bố trí đầy đủ nhân lực, kinh phí hàng năm cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Với phương châm tăng cường công khai giải quyết TTHC trên cả 3 phương diện: thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, phí và lệ phí, tỉnh Ninh Bình đã tập trung đẩy mạnh thực hiện cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận “Một cửa” như: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; định kỳ đánh giá chất lượng, hiệu quả trong giải quyết TTHC; tổ chức khai thác có hiệu quả Hệ thống giám sát, điều hành hoạt động của bộ phận “Một cửa” cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; triển khai thí điểm “Một số dịch vụ không tiếp nhận bản giấy, một số ngày không tiếp nhận bản giấy”; thí điểm “Cung cấp miễn phí chữ ký số công cộng cá nhân khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến”...

Công khai đầy đủ các TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và bộ phận một cửa các cấp, trên trang web của các cơ quan, đơn vị để tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tra cứu và áp dụng thực hiện TTHC. Các văn bản liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC được Văn phòng UBND tỉnh cập nhật đầy đủ và gửi cho cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị bằng hộp thư điện tử; thông qua hình thức này đã giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn trong quá trình kiểm soát TTHC giữa Văn phòng UBND tỉnh với các đơn vị, địa phương. Như tại thành phố Ninh Bình, lãnh đạo thành phố đã chỉ đạo, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố, bộ phận “Một cửa” các xã, phường thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin của cá nhân, tổ chức đến giao dịch TTHC, số hóa dữ liệu hồ sơ, luân chuyển hồ sơ trên Hệ thống một cửa điện tử và sử dụng chữ ký số trong tiếp nhận và giải quyết TTHC, sử dụng khai thác dịch vụ dân cư trên hệ thống một

cửa điện tử; không để xảy ra tình trạng yêu cầu cung cấp lại thông tin (sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ xác nhận cư trú), hồ sơ điện tử hoặc đã được số hóa có giá trị pháp lý được kết nối, chia sẻ trong quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC...

Triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã từng bước khắc phục tình trạng chậm trễ, đùn đẩy, né tránh, giảm bớt phiền hà, tiêu cực, những nhiễu trong quá trình giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân. Đa số hồ sơ của tổ chức và cá nhân được xem xét giải quyết trước hạn, đúng hạn (năm 2023, các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 492.358 hồ sơ, trong đó 485.830 hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn, chiếm 99,95%; số hồ sơ trễ hạn 216 hồ sơ, chiếm 0,05%).

Thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông không những tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi đến giao dịch, tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện TTHC mà còn giúp các cơ quan, đơn vị từng bước minh bạch hóa hoạt động công vụ, giúp lãnh đạo các cơ quan kiểm tra, giám sát, quản lý toàn bộ quá trình giải quyết công việc; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường năng lực, trách nhiệm, kỹ năng, nghiệp vụ hành chính cũng như tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức hành chính.

### **Tập trung thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử**

Cùng với nâng cao chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tỉnh Ninh Bình đã tập trung chỉ đạo các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử giúp người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ ở mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau. Nghị quyết số 01 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 là về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó xác định rõ nguồn lực triển khai (1% ngân sách tỉnh).

Để thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã tập trung tuyên truyền, hướng dẫn,



khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Đồng thời thực hiện triệt để việc gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; đảm bảo hoàn thành việc gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền đúng thời gian quy định và chỉ tiêu xử lý hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường điện tử.

Năm 2023, toàn tỉnh có 313.144 hồ sơ thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, trong đó: dịch vụ công trực tuyến Chính phủ giao có 27.189 hồ sơ; dịch vụ công trực tuyến do tỉnh chủ động triển khai có 285.955 hồ sơ (dịch vụ công trực tuyến một phần có 154.774 hồ sơ; dịch vụ công trực tuyến toàn trình có 131.181 hồ sơ). Hiện tại có 1.138 dịch vụ công trực tuyến được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt 62,77%, ngoài ra các dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực đăng ký kinh doanh hiện đã tích hợp và cung cấp trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp đã góp phần quan trọng đẩy mạnh cải cách TTHC, qua đó cải thiện rõ rệt thứ hạng về các chỉ số CCHC của tỉnh Ninh Bình so với các địa phương trong cả nước. Năm 2022, chỉ số CCHC của tỉnh Ninh Bình xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tăng 3 bậc so với năm 2021, cao hơn chỉ số CCHC trung bình của cả nước 1,85%); chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Ninh Bình xếp thứ 25/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cao hơn chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của cả nước 0,98%). Đây là động lực quan trọng để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng thông thoáng, từng bước thu hút được một số nhà đầu tư chiến lược, tạo sự bứt phá về tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Thủ tục hành chính thuận tiện, môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng đã lý giải vì sao trong những năm gần đây, Ninh Bình là địa điểm thu hút được nhiều nhà đầu tư chất lượng cao tới đầu tư, mở rộng kinh doanh. Trong năm 2023, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình đã cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 2 dự án với tổng số vốn đầu tư là 20,7 triệu USD,

tương đương 492,39 tỷ đồng (Dự án thiết kế, sản xuất, xuất khẩu đồ thể thao chuyên dụng cao cấp của Công ty TNHH Santa Clara tại KCN Gián Khẩu; Dự án Nhà máy sản xuất công cụ, dụng cụ cao cấp Cibon Ninh Bình của nhà đầu tư CIBON Industrial Limited, Hong Kong tại Khu Công nghiệp Khánh Phú); cấp 9 lượt điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trong đó có 2 lượt điều chỉnh tăng vốn với tổng mức tăng là 346,013 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư đăng ký mới và tăng vốn vào các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình trong năm 2023 là 838,403 tỷ đồng; vốn thực hiện của các dự án đạt khoảng 1.830 tỷ đồng. Đến nay, tổng số dự án đầu tư còn hiệu lực trong các khu công nghiệp của Tỉnh là 122 dự án với tổng vốn đăng ký 65.385,7 tỷ đồng (2 dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, 120 dự án đầu tư thứ cấp). Trong đó, có 33 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký 635,66 triệu USD, tương đương 13.755,18 tỷ đồng.

### **2.1.3. Công tác vận động, xúc tiến đầu tư**

#### **2.1.3.1. Định hướng theo ngành, lĩnh vực**

Tập trung thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, hiện đại, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách, ít thâm dụng lao động, sử dụng tiết kiệm đất, hiệu quả đầu tư cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

*Lĩnh vực Công nghiệp:* Thu hút dự án công nghiệp chế biến, chế tạo quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất thông minh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi xanh, năng lượng xanh có giá trị gia tăng lớn, công nghệ sạch và sản xuất hàng công nghiệp xuất khẩu; ưu tiên phát triển dự án công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp chủ lực và thế mạnh của tỉnh Ninh Bình và khu vực như dự án công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, công nghiệp điện tử... Thúc đẩy dự án công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; thực phẩm; tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống, đặc sản địa phương... phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, gắn với nguồn nguyên liệu, tăng tỷ trọng nội địa trong sản xuất công nghiệp.

*Lĩnh vực Nông nghiệp:* Thu hút đầu tư các dự án phát triển kinh tế nông nghiệp phù hợp với từng tiểu vùng sinh thái, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao,

thân thiện môi trường, theo chuỗi giá trị đồng bộ từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, áp dụng quy trình sản xuất an toàn, theo hướng hữu cơ, tuân hoàn đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông nghiệp sinh thái cảnh quan, du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa cộng đồng. Nghiên cứu, sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi và thủy hải sản cho năng suất, chất lượng cao. Đầu tư phát triển bảo quản, chế biến sâu có quy mô phù hợp, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản.

*Lĩnh vực Văn hóa - xã hội:* Triển khai lựa chọn, xây dựng, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hoá của địa phương. Thu hút đầu tư xây dựng các phim trường, các trung tâm tổ chức sự kiện, các sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch. Thu hút đầu tư các dự án làng nghề, tiểu thủ công nghiệp truyền thống gắn với văn hóa đặc trưng của địa phương như thêu ren, cói, gốm sứ...; các dự án xây dựng trung tâm, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao; giáo dục mầm non, trường liên cấp ngoài công lập chất lượng cao; các dự án đào tạo đa ngành, nghề gắn với tiếp nhận và sử dụng lao động đa dạng; dự án Bệnh viện ngoài công lập; dự án sản xuất dược phẩm, thuốc chữa bệnh; sản xuất trang thiết bị y tế.

*Lĩnh vực Thương mại - dịch vụ:* Thu hút các dự án đầu tư xây dựng đồng bộ các khu du lịch quốc gia (Tràng An, Kênh Gà -Vân Trình), các khu du lịch cấp tỉnh (Cúc Phương - hồ Đồng Chương, Vân Long, hồ Yên Thắng - Đồng Thái, khu du lịch ven biển Kim Sơn và Cồn Nổi) với các sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch và đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế (đặc biệt là phát triển sản phẩm du lịch di sản tại Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An); đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch chất lượng cao (chủ yếu là khách sạn nghỉ dưỡng cao cấp 4-5 sao, các phương tiện vận chuyển chuyên dùng, các hình thức và phương tiện vui chơi giải trí hiện đại, các dịch vụ bổ sung...); đầu tư cho các ngành dịch vụ có liên quan đến tổ chức hoạt động du lịch (sản xuất các hàng thủ công mỹ nghệ; trung tâm thương mại; trung tâm hội chợ triển lãm, chợ đêm; Trung tâm dịch vụ Logistics ...); phát triển hệ thống hạ

tầng du lịch (giao thông, bến thuyền, bãi đỗ xe, hệ thống đường thủy, hệ thống cấp nước, cấp năng lượng, hệ thống xử lý chất thải... ở các khu, điểm du lịch, khu vực dịch vụ du lịch); ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng trung tâm CBD (Central Business District) tại thành phố Ninh Bình (tập trung các dịch vụ tài chính, ngân hàng, trung tâm thương mại, các dịch vụ và kinh tế đô thị khác...); đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin, các ứng dụng du lịch thông minh đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0... Tăng cường ứng dụng công nghệ cho quá trình chuyển đổi số ngành tài chính nhằm tạo các sản phẩm tài chính đột phá, tăng trải nghiệm cho khách hàng, đồng thời đảm bảo an toàn và bảo mật.

*Lĩnh vực Hạ tầng:* Thu hút các dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án xây dựng khu đô thị; khu nhà ở xã hội; dự án hạ tầng logistics.

### **2.1.3.2 Định hướng theo đối tác đầu tư**

Chủ động tiếp cận, vận động linh hoạt qua các kênh khác nhau như: cá nhân có ảnh hưởng lớn, nhà đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, công ty tư vấn hàng đầu, quỹ đầu tư và cá nhân có tầm ảnh hưởng để thu hút các tập đoàn lớn mang các dự án có chất lượng. Mở rộng xúc tiến thu hút đầu tư các đối tác có công nghệ cao, công nghệ nguồn, đứng đầu các chuỗi cung ứng và là thành viên của hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP như Hoa Kỳ, Canada, EU, Singapore, Australia, New Zealand... Lựa chọn ưu tiên những ngành, lĩnh vực dự án mà Việt Nam có lợi thế về chính sách, biện pháp hàng rào thuế quan và phi thuế quan từ Hiệp định thương mại tự do đã ký kết, nhất là các hiệp định thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP.... Đồng thời, tiếp tục duy trì các thị trường và đối tác truyền thống (Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan...).

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; đảm bảo chất lượng thu hút đầu tư 100% sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm quỹ đất và thân thiện với môi trường. Phấn đấu trong năm 2024 vốn đầu tư đăng ký tăng 10% so với năm 2023.

#### 2.1.4. Xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Nếu so sánh với 63 tỉnh, thành trên cả nước, Ninh Bình luôn có kết quả xếp hạng PCI thuộc nhóm không ổn định. Cụ thể, trong giai đoạn từ năm 2018 - 2022, năm 2018, Ninh Bình được xếp trong nhóm các tỉnh có PCI với giá trị là 63,55 xếp hạng thứ 29, đến năm 2019, Ninh Bình rớt 10 hạng, xếp hạng thứ 39 với PCI có giá trị là 64.58. Đặc biệt là năm 2020, năm 2021 xếp hạng của Ninh Bình giảm mạnh và đứng thứ hạng 58/63 tỉnh, thành và được coi là thấp nhất trong nhiều năm qua và đứng vào nhóm những tỉnh thấp nhất cả nước. Việc giảm mạnh như vậy được coi là bài học có ý nghĩa vô cùng sâu sắc cho tỉnh Ninh Bình để tự nhận thức và đánh giá về sự nỗ lực của mình thông qua sự nhìn nhận từ bên ngoài, đặc biệt là từ nhìn nhận các doanh nghiệp về môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư của tỉnh. Sang năm 2022, Ninh Bình có những tiến bộ hơn so với hai năm trước, với PCI có giá trị 64.42, xếp hạng 44/63 tỉnh thành trong cả nước

**Bảng 2.1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI tỉnh Ninh Bình 2018-2022**

| Chỉ số/Năm               | 2018         | 2019         | 2020         | 2021         | 2022         |
|--------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Gia nhập thị trường      | 7.46         | 6.74         | 7.15         | 6.20         | 6.53         |
| Tiếp cận đất đai         | 6.19         | 6.98         | 6.91         | 6.33         | 7.12         |
| Tính minh bạch           | 5.26         | 6.39         | 5.09         | 4.60         | 5.69         |
| Chi phí thời gian        | 6.62         | 7.04         | 7.54         | 6.71         | 7.69         |
| Chi phí không chính thức | 6.35         | 5.81         | 6.74         | 7.56         | 6.96         |
| Cạnh tranh bình đẳng     | 4.72         | 6.11         | 6.78         | 7.57         | 5.90         |
| Tính năng động           | 5.55         | 6.25         | 6.10         | 5.54         | 6.20         |
| Dịch vụ hỗ trợ DN        | 6.31         | 5.63         | 4.76         | 4.98         | 5.17         |
| Đào tạo lao động         | 7.91         | 7.29         | 7.37         | 6.93         | 6.40         |
| Thiết chế pháp lý        | 5.93         | 7.18         | 7.14         | 7.54         | 7.35         |
| <b>Điểm tổng hợp PCI</b> | <b>63.55</b> | <b>64.58</b> | <b>61.98</b> | <b>60.53</b> | <b>64.22</b> |
| <b>Xếp hạng</b>          | <b>29</b>    | <b>39</b>    | <b>58</b>    | <b>58</b>    | <b>44</b>    |

Nguồn: <https://www.pcivietnam.vn/>

Nhìn vào bảng tổng hợp kết quả chỉ số PCI của tỉnh Ninh Bình năm 2018-2022, có thể nhận thấy ngay là các chỉ số thành phần của Ninh Bình trong giai đoạn này là không ổn định, trong đó có một số chỉ số biến động một chiều, ngày được cải thiện hơn, tuy nhiên cú sốc năm 2020 làm cho một số chỉ số đảo chiều ngược lại. Có thể kể đến như chỉ số Gia nhập thị trường đang có chiều hướng tăng dần từ năm 2020, sang năm 2021 lại có xu hướng giảm xuống. Tính cạnh tranh bình đẳng và thiết chế pháp lý cũng có chiều hướng tăng ở một số năm sau đó lại có xu hướng giảm ở năm 2022. Các chỉ số còn lại thì biến đổi không ổn định, như chỉ số tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, tính năng động, chi phí không chính thức, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động.

### **Những hạn chế**

Ninh Bình luôn nằm trong số những tỉnh có mức tăng giảm điểm và thứ PCI thất thường, không duy trì được sự ổn định. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhiều năm không đạt được mục tiêu đề ra, bị tụt hạng và điểm số tăng chậm so với các thành phố khác trong đó năm 2020 là một năm có mức giảm điểm kỷ lục cả về thứ hạng và điểm số. Điều này thể hiện là những chính sách, biện pháp đối với hoạt động cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp chưa được thực hiện một cách đồng bộ quyết liệt.

Qua phân tích thực trạng chỉ số cạnh tranh của Ninh Bình trong giai đoạn từ năm 2018 -2022, nhóm nghiên cứu nhận thấy trong nhiều chỉ số thành phần, chỉ số về dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của Ninh Bình vẫn là yếu kém nhất. Nhiều doanh nghiệp thấy rằng những hoạt động của chính quyền tỉnh không đáp ứng được kỳ vọng mong đợi của họ, hoặc các dịch vụ đó chưa chú trọng vào chất lượng thực sự. Nhiều năm liền, chỉ số này ít được cải thiện mà thường xếp ở thứ hạng thấp trong khu vực và cả nước.

Ngoài ra tính minh bạch, và khả năng tiếp cận đất đai ở Ninh Bình cũng là một vấn đề cản trở lớn đối với các doanh nghiệp. Hoạt động xúc tiến đầu tư đạt hiệu quả chưa cao, thiếu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về quy hoạch, quy trình, giá thuê đất, suất đầu tư, chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng. Quy trình thủ tục hành chính tuy đã được rà soát, điều chỉnh nhưng vẫn còn rườm rà,

phức tạp; sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan, nhất là những lĩnh vực liên quan đến thẩm quyền của nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều đơn vị chưa cao. Chất lượng, nội dung, thể thức hồ sơ TTCH của một số sở, ngành còn chưa đạt yêu cầu; việc công bố các TTCH thuộc thẩm quyền giải quyết của một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện theo đúng thời gian quy định; việc niêm yết TTCH ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa thuận lợi cho việc xem, tra cứu của người dân và doanh nghiệp. Chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực về tài chính, công nghệ; đầu tư, khai thác vào các ngành, lĩnh vực chưa tương xứng với tiềm năng; lợi thế của tỉnh.

### **Nguyên nhân những hạn chế**

#### *Nguyên nhân khách quan*

Các doanh nghiệp chưa chủ động trong việc đề nghị hỗ trợ pháp lý, thông tin, cập nhật kiến thức kế toán, thuế, quản trị kinh doanh vì chưa thực sự quan tâm đến công tác này, do vật khi các cơ quan, đơn vị tổ chức các lớp tập huấn, có doanh nghiệp không tham dự. Đồng thời khi được cơ quan nhà nước khảo sát về nhu cầu hỗ trợ để xây dựng chương trình, kế hoạch hỗ trợ phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp thì các doanh nghiệp chưa hợp tác, trả lời lắt léo, không sát với thực tế. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh tuy được tăng cường nhưng chưa thể đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, kinh phí cho hoạt động này còn hạn chế.

Hệ thống văn bản quy định chưa rõ ràng, còn chồng chéo nhất là khó khăn, vướng mắc giữa pháp luật về đầu tư và các luật chuyên ngành có liên quan. Công tác lập quy hoạch, phát triển quỹ đất chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế xã hội.

#### *Nguyên nhân chủ quan*

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách TTCH và kiểm soát thủ tục hành chính, nhất là đối với cấp xã; thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi dẫn đến việc cập nhật, trình UBND tỉnh công bố, niêm yết công khai gặp khó khăn.

Chưa quyết liệt nghiêm túc thực hiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) theo chỉ đạo của UBND tỉnh; chưa tích cực và chủ động giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp; hoạt động dịch vụ hỗ trợ thông tin, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh còn hạn chế và chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Cán bộ, lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn làm việc chưa sát sao, chưa thực sự trách nhiệm, gây khó dễ cho các nhà đầu tư; còn lơ là, chiếu lệ, không cụ thể rõ ràng, chậm giải quyết trong công tác phối hợp giải quyết công việc.

## **2.2. Kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2018 - 2022**

### **2.2.1. Tốc độ tăng các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Giai đoạn 2018 -2022, cơ quan đăng ký đầu tư của tỉnh đã cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký cho 42 dự án đầu tư nước ngoài với tổng mức đầu tư đăng ký là 395.57 triệu USD; tổng mức đầu tư thực hiện là 278,73 triệu USD.

**Bảng 2.2. Vốn thực hiện FDI giai đoạn 2018 -2022**

| <b>Năm</b>                    | <b>Vốn thực hiện FDI<br/>(Triệu USD)</b> | <b>Vốn đăng ký FDI dự<br/>án mới<br/>(Triệu USD)</b> |
|-------------------------------|--|--|
| 2018                          | 93,13                                    | 141,46   |
| 2019                          | 37,60                                    | 86,39  |
| 2020                          | 32                                       | 57,35  |
| 2021                          | 47                                       | 91,76  |
| 2022                          | 69                                       | 18,61  |
| Tổng giai đoạn<br>2018 - 2022 | 278,73                                   | 395,57   |

*Nguồn: Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Bình*



Từ bảng 2.2 ta thấy, năm 2018 có 13 dự án mới đăng ký, với 141,46 triệu USD và 93,13 triệu USD vốn thực hiện, tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký đạt 65,83%. Từ năm 2019 do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid – 19, các dự án đầu tư mới giảm xuống, vốn đăng ký và vốn đầu tư thực hiện đều giảm xuống. Đến năm 2022, các nhà đầu tư đã tích cực mọi nguồn lực để triển khai các dự án, đưa vốn đầu tư đăng ký tăng đáng kể với tổng số dự án mới là 6 dự án.

**Bảng 2.3. Số dự án FDI mới giai đoạn 2018 -2022**

| Năm                        | Số dự án mới(dự án) |
|----------------------------|---------------------|
| 2018                       | 13                  |
| 2019                       | 6                   |
| 2020                       | 9                   |
| 2021                       | 8                   |
| 2022                       | 6                   |
| Tổng giai đoạn 2018 – 2022 | 42                  |

*Nguồn: Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Bình*

Nhìn chung, các dự án đầu tư nước ngoài triển khai tương đối hiệu quả; góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương, tạo sản phẩm, tăng giá trị xuất nhập khẩu, nộp ngân sách và phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh có sự tăng trưởng trong giai đoạn 2018-2022.

### **2.2.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Ninh Bình phân theo lĩnh vực, đối tác và hình thức đầu tư**

Các nhà đầu tư FDI tại Ninh Bình đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau, trong đó các nhà đầu tư chủ yếu đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Anh,... với các lĩnh vực đầu tư gồm sản xuất sản phẩm hỗ trợ công nghiệp ô tô, linh kiện điện tử, giày da, các sản phẩm công nghiệp như mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, nến,...Đài Loan là quốc gia dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 704,46 triệu USD, chiếm 39,98% tổng vốn đầu tư; Hàn Quốc mặc dù chỉ xếp thứ hai về vốn đầu tư song lại là đối tác dẫn đầu về số lượng dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh

(47 dự án), tổng vốn đăng ký 475,91 triệu USD, chiếm 27,28% tổng vốn đăng ký đầu tư khu vực FDI. Hồng Kong đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký 226,08 triệu USD, chiếm 12,83% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Trung Quốc, Nhật Bản, Anh... Lĩnh vực đầu tư chủ yếu là sản xuất sản phẩm hỗ trợ công nghiệp phụ trợ ô tô, linh kiện điện tử, may mặc,...

Vốn đầu tư từ các nhà đầu tư Hàn Quốc vào tỉnh Ninh Bình cũng tăng nhanh, nhất là trong 10 năm gần đây. Lĩnh vực đầu tư của các dự án FDI Hàn Quốc tập trung vào những lĩnh vực mà tỉnh khuyến khích và có lợi thế thu hút đầu tư như: công nghiệp sản xuất linh kiện điện tử, công nghiệp phụ trợ cho sản xuất và lắp ráp ô tô... Các dự án FDI Hàn Quốc đã triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, tuân thủ các quy định pháp luật và bảo vệ môi trường, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương và tăng thu ngân sách tỉnh.

Một trong những dự án đến từ đối tác Hàn Quốc mang lại hiệu quả cao, đó là Liên doanh sản xuất, lắp ráp ô tô giữa Tập đoàn Hyundai (Hàn Quốc) với Tập đoàn Thành Công, với tổng công suất thiết kế các nhà máy đạt 195 nghìn xe/năm. Gần 20 năm gắn bó với Ninh Bình, Tập đoàn Thành Công đã có những bước phát triển vượt bậc, đưa Ninh Bình trở thành 1 trong 3 trung tâm sản xuất ô tô lớn nhất cả nước và hướng tới trở thành trung tâm sản xuất ô tô lớn nhất Châu Á Thái Bình Dương.

Hiện Tập đoàn Thành Công đóng góp khoảng 28% giá trị sản xuất công nghiệp và chiếm trên 70% tổng thu ngân sách của tỉnh (tính riêng thu nội địa khoảng 55% tổng thu; còn lại là thu từ xuất, nhập khẩu). Sự lớn mạnh này cũng là minh chứng rõ nét thể hiện sức hấp dẫn từ chủ trương thu hút đầu tư của tỉnh. Với mong muốn góp phần thúc đẩy hơn mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam-Hàn Quốc, tỉnh Ninh Bình với các địa phương, doanh nghiệp của Hàn Quốc, những năm qua, tỉnh Ninh Bình còn tăng cường giao lưu, hợp tác với một số địa phương của Hàn Quốc.

**Bảng 2.4. Thu hút FDI theo đối tác đầu tư**

| <b>STT</b> | <b>Quốc gia/vùng<br/>lãnh thổ</b> | <b>Số dự án</b> | <b>Số vốn đăng ký FDI<br/>(Triệu USD)</b> |
|------------|-----------------------------------|-----------------|---|
| 1          | Hàn Quốc                          | 47              | 475,91                                    |
| 2          | Đài Loan                          | 23              | 704,46                                    |
| 3          | Hồng Kong                         | 11              | 226,08                                    |
| 4          | Trung Quốc                        | 10              | 198,26                                    |
| 5          | Nhật Bản                          | 2               | 39,6                                      |
| 6          | Anh                               | 2               | 18,23                                     |
| 7          | Khác                              | 2               | 13,09                                     |
|            | <b>Tổng</b>                       | <b>97</b>       | <b>1.675,63</b>                           |

*Nguồn: Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Ninh Bình*

### **2.2.3. Những đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình**

Các dự án FDI, đặc biệt là của Hàn Quốc và Nhật Bản đã có nhiều đóng góp vào tăng trưởng GRDP, giá trị xuất khẩu, tạo việc làm...đồng thời, còn góp phần đổi mới công nghệ, chuyển đổi thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển; cụ thể như sau:

#### **Đầu tư nước ngoài thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong nước và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Trong những năm qua, các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc và Nhật Bản đã có nhiều đóng góp cho tăng trưởng và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; hàng năm, các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc và Nhật Bản đóng góp khoảng 10% giá trị GRDP của tỉnh và khoảng 25% giá trị GRDP của ngành công nghiệp, trong đó, Nhà máy sản xuất Camera mô-đun và linh kiện điện tử Mcnecx Vina của Công ty TNHH McnecxVina đóng góp gần 6% giá trị GRDP toàn tỉnh và chiếm 20% giá trị GRDP ngành công nghiệp. Tổng kim ngạch xuất khẩu từ

doanh nghiệp FDI Hàn Quốc và Nhật Bản năm 2022 đạt 1.041 triệu USD, chiếm 45% giá trị xuất khẩu từ doanh nghiệp FDI, chiếm 33,04% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh; trong đó, giá trị xuất khẩu của Nhà máy sản xuất Camera mô-đun và linh kiện điện tử Mcnecx Vina của Công ty TNHH Mcnecx Vina là 737,7 triệu USD, chiếm 70,8% giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp FDI Hàn Quốc và Nhật Bản.

### **Đầu tư nước ngoài tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thay đổi cơ cấu lao động**

Bên cạnh các đóng góp về phát triển kinh tế, các FDI Hàn Quốc và Nhật Bản đã góp phần giải quyết tạo việc làm cho lao động địa phương, tăng thu nhập, nâng cao mức sống, đảm bảo an sinh xã hội với việc tạo việc làm cho khoảng 35 nghìn lao động, trong đó số lao động trong các KCN khoảng 15 nghìn lao động. Một số dự án giải quyết lượng lớn việc làm cho lao động địa phương như: Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Sanico Việt Nam (3.524 lao động), Nhà máy sản xuất camera mô-đun và linh kiện điện tử MCNEX Vina (7.630 lao động),... Cùng với quá trình phát triển, tham gia hoạt động sản xuất, lao động cũng được đào tạo, dần nâng cao trình độ, từng bước hình thành tác phong lao động công nghiệp, có ý thức, kỷ luật lao động, học hỏi được các phương thức lao động tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đời sống của người lao động trên địa bàn tỉnh.

### **Đầu tư nước ngoài là kênh chuyển giao công nghệ quan trọng, góp phần nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế của tỉnh**

Các dự án FDI Hàn Quốc và Nhật Bản đã góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến vào Việt Nam nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng, trong đó một số ngành đã thực hiện tốt chuyển giao công nghệ như điện tử, cơ khí chế tạo, phụ trợ ô tô, dệt may,... Tác động lan tỏa công nghệ của khu vực đầu tư nước ngoài được thực hiện thông qua mối liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước tiếp cận hoạt động chuyển giao công nghệ.

Sự xuất hiện của các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc và Nhật Bản như: Công ty TNHH MCNex Vina, Công ty TNHH Sanico Việt Nam, Công ty Cổ phần Sejung, Công ty TNHH Esmo Vina, Công ty TNHH ADM21 Việt Nam, Công ty TNHH thép Kyoiei Việt Nam... trong thời gian qua đã có tác động lan tỏa đến các thành phần kinh tế khác trong tỉnh thông qua sự trao đổi, liên kết các cơ hội kinh doanh, học hỏi kinh nghiệm trong việc quản trị doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, đàm phán hợp đồng cũng như cách thức tổ chức các hoạt động đầu tư, kinh doanh, chuyển giao công nghệ; đồng thời cũng buộc các thành phần kinh tế khác phải đổi mới, sáng tạo, nâng cao khả năng cạnh tranh, do đó cũng góp phần nâng cao năng lực, quy mô sản xuất nền kinh tế của tỉnh.

#### **2.2.4. Đánh giá tác động của môi trường đầu tư đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình**

Hiện nay, việc thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút FDI trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo luật đầu tư năm 2014 và các văn bản pháp luật của Nhà nước về đầu tư nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng như Nghị định số 118/2015/NĐ – CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư, Nghị quyết số 103/NQ – CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ về định hướng nâng cao hiệu quả thu hút, sử dụng và quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới.

Ngoài các ưu đãi theo chính sách hiện hành của Việt Nam, tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 28/2012/QĐ – UBND ngày 23/11/2012 của UBND tỉnh về ban hành Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, quyết định số 35/2014/QĐ – UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chính sách khuyến khích ưu đãi, hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với ngành sản xuất, lắp ráp ô tô trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Nghị quyết số 13/2015/NQ – HĐND ngày 22/7/2015 của HĐND tỉnh Ninh Bình về ban hành quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 – 2020 nhằm tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực:

Về lĩnh vực nông nghiệp: Ưu tiên đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao như trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy hải sản, phát triển nghiên cứu và chế tạo giống chất lượng cao, chế biến sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch đảm bảo chất lượng yêu cầu thị trường.

Về lĩnh vực công nghiệp: ưu tiên các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các dự án sản xuất công nghiệp công nghệ cao, hiện đại, sạch, thân thiện với môi trường, dự án sử dụng lao động địa phương, nộp ngân sách cao như sản xuất bia, rượu, công nghiệp phụ trợ ngành sản xuất ô tô, cơ khí chính xác, điện tử, điện lạnh...

Về lĩnh vực du lịch: Ưu tiên đầu tư hạ tầng khu, điểm du lịch, các dự án vui chơi, giải trí chất lượng cao, các dự án sản xuất hàng hóa phục vụ du lịch như quà tặng, sản phẩm giới thiệu địa phương, quảng bá du lịch...

Về lĩnh vực văn hóa, xã hội: Ưu tiên các dự án đầu tư có tính chất xã hội hóa vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội...

Ưu tiên thu hút những dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai, tạo điều kiện và tăng cường liên kết các doanh nghiệp trong nước, tập trung thu hút vào các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức cao. Hạn chế các dự án đầu tư vào lĩnh vực phi sản xuất, làm gia tăng tình trạng nhập siêu, tiêu tốn năng lượng. Không cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các dự án sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường hoặc các nhà đầu tư không đủ năng lực về tài chính.

### **Tồn tại, hạn chế**

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư nước ngoài trong thời gian qua nhưng vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, cụ thể: - Quản lý và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, giải pháp xử lý môi trường ở các khu công nghiệp do Nhà nước làm chủ đầu tư chưa thực sự đồng bộ; thực hiện quy hoạch, thu hút nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. -

Về quỹ đất: Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động đã cơ bản lấp đầy, quỹ đất để bố trí cho các dự án đầu tư không còn nhiều vì vậy ảnh hưởng đến công tác xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài. - Việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà đầu tư còn hạn chế, được thể hiện qua việc: Còn có tình trạng doanh nghiệp thực hiện dự án chưa tuân thủ quy hoạch, quy mô đầu tư và giấy phép xây dựng được cấp thẩm quyền phê 4 duyệt; tiến độ dự án còn chậm; các vấn đề về an sinh xã hội còn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp. - Môi trường đầu tư kinh doanh đã được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và được cải thiện nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu và kỳ vọng; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương đôi lúc còn chưa chặt chẽ; việc theo dõi, kiểm tra, giám sát dự án chưa được quan tâm thực hiện một cách thường xuyên dẫn đến các hành vi vi phạm của nhà đầu tư.

### **Nguyên nhân**

- Công tác xây dựng và quản lý quy hoạch chưa kịp thời, hạ tầng xây dựng các khu công nghiệp đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa được đồng bộ. - Công tác giải phóng mặt bằng còn chậm, nhiều vướng mắc. - Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa đồng bộ. - Sự sụt giảm và dịch chuyển dòng vốn FDI trên toàn cầu do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trong giai đoạn 2019-2021 và chủ trương của Chính phủ về vấn đề hạn chế xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh dịch bệnh có diễn biến phức tạp

### **Chương 3- PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐÀU TƯ NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở TỈNH NINH BÌNH**

#### **3.1. Phương hướng, mục tiêu hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình**

FDI là bộ phận cấu thành không thể tách rời với các thành phần kinh tế khác của tỉnh. Khu vực FDI góp phần xây dựng Ninh Bình trở thành một tỉnh phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, môi trường sạch, mức sống dân cư cao, bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh. Xây dựng cơ sở vật chất, đặt nền móng hướng tới trở thành trung tâm kinh tế có tầm ảnh hưởng tới khu vực Bắc Bộ.

Thứ nhất, Quan điểm Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển và quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị văn minh hiện đại giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Thứ hai, Định hướng thu hút đầu tư Tập trung ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách, ít thâm dụng lao động, sử dụng tiết kiệm đất, hiệu quả đầu tư cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Thứ ba, Mục tiêu Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư nước ngoài góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực



cạnh tranh cấp tỉnh; duy trì kết quả thu hút đầu tư nước ngoài hằng năm của tỉnh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng dự án thu hút đầu tư.

Thứ tư, Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thu hút đầu tư; xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tỉnh gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Chủ động rà soát, kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn về cơ chế chính sách nhằm khơi thông nguồn lực; kiên quyết xử lý theo thẩm quyền các cán bộ có hành vi những nhiều gây phiền hà cho doanh nghiệp; thay thế, điều chuyển các cán bộ không đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, gây “ách tắc, điểm nghẽn” trong giải quyết thủ tục hành chính; chú trọng củng cố mối quan hệ giữa chính quyền các cấp với người dân, doanh nghiệp theo đúng phương châm “Chính quyền đồng hành, cầu thị, lắng nghe, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp”.

- Tiếp tục duy trì và đổi mới nội dung các hội nghị gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp; nghiêm túc giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp; nâng cao chất lượng công tác đối thoại với doanh nghiệp, giải quyết thực chất, dứt điểm các vướng mắc của doanh nghiệp, công khai kết quả và theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp.

Thứ năm, Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gắn với trách nhiệm của người đứng đầu và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ công chức, viên chức với người dân, doanh nghiệp theo hướng thân thiện, đồng hành, chia sẻ; trọng tâm là

thực hiện có hiệu quả chủ đề công tác năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh là “Kỷ cương, trách nhiệm, đẩy mạnh cải cách hành chính”

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, nhất là các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai. Công khai, minh bạch thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, quy trình hiệu quả hoạt động và nâng cao vai trò Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực, trách nhiệm để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và đúng quy định; kiên quyết xử lý cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho doanh nghiệp và người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan.

- Rà soát, sửa đổi và xây dựng các cơ chế chính sách của tỉnh để tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, kinh doanh luôn đảm bảo nguyên tắc công bằng, bình đẳng cho mọi cá nhân, tổ chức. Tích cực đẩy mạnh các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và nhà đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, thị trường, đất đai, công nghệ, tín dụng... tổ chức tiếp xúc đối thoại 2 lần/năm nhằm nắm bắt kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Thực hiện công khai, minh bạch các quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế xã hội, thu hút đầu tư của tỉnh đảm bảo bình đẳng giữa khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước, giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ, giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

- Giao cụ thể trách nhiệm theo dõi, đánh giá các chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở cho từng cơ quan, đơn vị; xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm trong việc chậm cải thiện từng chỉ số thành phần, chỉ tiêu cơ sở, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

Thứ sáu, Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phục vụ thu hút đầu tư của tỉnh, cụ thể:

## **Về xây dựng cơ sở hạ tầng**

- Tập trung ưu tiên đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông quan trọng, huyết mạch có tính chất kết nối vùng, liên vùng, kết nối khu du lịch trọng điểm, khu, cụm công nghiệp để thu hút phát triển công nghiệp, du lịch, phát triển mở rộng không gian đô thị, tạo dư địa và động lực phát triển kinh tế xã hội. Phối hợp với Bộ GTVT, các Bộ, ngành Trung ương để đầu tư xây dựng các tuyến cao tốc, Quốc lộ. Ưu tiên đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp một số tuyến giao thông quan trọng kết nối với mạng lưới Quốc lộ trên địa bàn tỉnh và kết nối các vùng, khu du lịch, điểm du lịch, khu đô thị như: Tuyến đường Đông - Tây để kết nối các địa phương: Nho Quan, Tam Điệp, Yên Mô và Kim Sơn; tuyến đường Bái Đính (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam), đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình; đường bộ ven biển; tuyến đường kết nối QL.10 với QL.12B đoạn Yên Mô - Kim Sơn (tuyến ĐT.480E cũ); tuyến đường ĐT.482; QL.21B; Cầu Bến Mới kết nối QL.1A (Ninh Bình) với QL.38B tỉnh Nam Định; cầu vượt sông Vân...). Đẩy mạnh, quản lý hoạt động đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa phù hợp với tình hình thực tế địa phương; phát triển dịch vụ logistic.

Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thành tuyến đường giao thông quan trọng đã có quyết định chủ trương đầu tư; nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường Đông - Tây (giai đoạn 2).

- Tranh thủ các nguồn lực để tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh các công trình giao thông, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn, phối hợp lồng ghép các chương trình, dự án, chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới để từng bước hoàn chỉnh đường đến các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; tăng cường công tác quản lý bảo trì, kiểm soát tải trọng xe, hành lang an toàn đường bộ, đảm bảo trật tự ATGT, phát huy hiệu quả của kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động vận tải, phát triển kinh tế - xã hội.

## **Về phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp**

- Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp với quy mô hợp lý, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp và dịch vụ; góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn

với thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. - Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển và quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; theo đó, tỉnh bổ sung 03 khu công nghiệp và 05 cụm công nghiệp mới vào phương án tổng thể phát triển các khu công nghiệp của tỉnh; thành lập 03 khu công nghiệp và 09 cụm công nghiệp, trong đó thành lập 01 khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ; thu hút đầu tư xây dựng - kinh doanh hạ tầng 03 KCN và 08 CCN để đảm bảo đồng bộ về môi trường, hạ tầng kỹ thuật tạo mặt bằng sạch thu hút đầu tư.

- Đầu tư đồng bộ hạ tầng các KCN, cụm công nghiệp tạo quỹ đất sạch thu hút các nhà đầu tư chiến lược nhất là các dự án công nghệ hiện đại, hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, có hợp tác chuyên gia công nghệ và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, thu ngân sách lớn, sử dụng đất hiệu quả và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi, thu hút đầu tư lấp đầy các khu, cụm công nghiệp hiện có theo định hướng thu hút đầu tư của tỉnh.

- Rà soát các dự án đầu tư, kiên quyết xử lý theo quy định đối với các dự án chậm tiến độ, sử dụng đất không hiệu quả, tạo quỹ đất bố trí cho các dự án đầu tư mới, có tính khả thi cao. Giám sát chặt chẽ việc sử dụng hạ tầng của các nhà đầu tư; tăng cường công tác quản lý môi trường, an ninh trật tự, an toàn giao thông trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

### **Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác vận động, xúc tiến đầu tư và thu hút chọn lọc các dự án đầu tư**

- Nghiên cứu đổi mới cách thức hoạt động của cơ quan xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, đa dạng các hình thức xúc tiến đầu tư. Chuyển từ thu hút đầu tư bị động sang thu hút đầu tư chủ động và có chọn lọc gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu về các tập đoàn đa quốc gia để nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh nhằm thu hút các nhà đầu tư đến đầu tư gắn với việc thành lập các trung tâm nghiên cứu và sáng tạo tại tỉnh. Triển khai xúc tiến đầu tư có mục tiêu theo hướng đa dạng hóa các hoạt động và phương thức xúc tiến đầu tư; chú trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ. Lập Danh sách các tập đoàn lớn đã thực hiện

đầu tư và chưa đầu tư tại Ninh Bình để Lãnh đạo tỉnh bố trí làm việc và mời gọi đầu tư.

- Triển khai xúc tiến đúng trọng tâm, bám sát nhu cầu thực tế của tỉnh. Chú trọng việc chuẩn bị mặt bằng và các cơ sở hạ tầng khác cho các dự án đang xúc tiến cũng như việc giải quyết các vướng mắc, khó khăn, tạo thuận lợi cho hoạt động của các dự án đã đầu tư vào tỉnh. Kết hợp với các bộ, ngành trung ương, các tỉnh lân cận, các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp về xúc tiến đầu tư để tổ chức các hoạt động hội thảo xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh của tỉnh; Lồng ghép chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia. Chủ động công tác xúc tiến đầu tư với nhiều hình thức khác nhau, chú trọng hình thức trực tiếp liên hệ, tiếp xúc với các đối tác, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trên thế giới để giới thiệu điều kiện, môi trường đầu tư của tỉnh. Công khai, minh bạch thông tin đầu tư, tích cực quảng bá hình ảnh - marketing địa phương trên các trang web của tỉnh.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư nói riêng và quản lý đầu tư nói chung. Vận động và phối hợp với các tổ chức quốc tế hỗ trợ mở các lớp đào tạo về xúc tiến và quản lý đầu tư nước ngoài; tiếp tục kết hợp các hoạt động xúc tiến đầu tư kết hợp các chuyến thăm và làm việc tại các nước của lãnh đạo Tỉnh, nhằm quảng bá môi trường đầu tư của Tỉnh. Phối hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch. Kết hợp giữa hoạt động xúc tiến đầu tư với hoạt động xúc tiến về du lịch - là ngành dịch vụ đang được Tỉnh ưu tiên phát triển.

### **3.2. Các giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Ninh Bình**

#### **3.2.1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành nhằm cải cách thủ hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh**

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ công chức, viên chức trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Nhất quán quan điểm “*chính quyền đồng hành, cầu thị, lắng nghe, tháo gỡ một cách thực chất các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp*” lấy người dân,

doanh nghiệp là trung tâm để phục vụ nhằm tạo hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 133/KH- UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh về triển khai Kết luận số 62-KL/TU ngày 14/5/2021 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 12/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Tiếp tục triển khai bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Ninh Bình tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, thị trường, đất đai, công nghệ, tín dụng; nhất quán trong cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để tạo niềm tin và sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện dự án.

### **3.2.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng**

Hoàn thành Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức Hội nghị công bố quy hoạch lồng ghép với hội nghị xúc tiến đầu tư để các tổ chức, nhà đầu tư quan tâm, tìm hiểu đầu tư tại tỉnh. Nghiên cứu, rà soát, đánh giá, đề xuất điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Ninh Bình và định hướng phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh làm cơ sở hoạch định, kiến tạo, không gian phát triển, tạo bước đột phá mới, đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh về quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

Tập trung các nguồn lực phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng KCN, CCN; hạ tầng kỹ thuật đô thị; hiện đại hóa hạ tầng viễn thông và năng lượng, điện thoại, cáp viễn thông, cáp truyền hình tại khu vực trung tâm các đô thị; tăng cường, đầu tư, cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông quan trọng, huyết mạch có tính chất kết nối vùng, liên vùng, phát triển mở rộng không gian đô thị.

### **3.2.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

Rà soát cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo đúng quy định của

pháp luật. Quan tâm hỗ trợ giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có được mặt bằng nhanh chóng, thuận lợi sớm đưa dự án vào hoạt động. Hỗ trợ cung ứng và đào tạo lao động, rà soát quy hoạch phát triển nguồn nhân lực gắn với quy hoạch tỉnh; gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; huy động các doanh nghiệp tham gia dạy nghề; hợp tác với các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề để liên kết đào tạo tại tỉnh, trong đó chú trọng các trường kỹ thuật đào tạo kỹ sư phần mềm, công nghệ cao; mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo, tổ chức xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo mới, nâng cao chất lượng từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường trong khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu xã hội; tổ chức rà soát nhu cầu lao động của các doanh nghiệp, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về lao động trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực. Khuyến khích, hỗ trợ nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động hợp tác giáo dục đào tạo nhằm trang bị những kiến thức, trình độ khoa học - kỹ thuật cho người lao động.

### **3.2.4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư**

#### **Nghiên cứu tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư**

Thực hiện nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá, phân tích thị trường và đối tác đầu tư tiềm năng để xác định xu hướng đầu tư, nhu cầu đầu tư, xây dựng kế hoạch tiếp cận, kêu gọi nhà đầu tư phù hợp, hiệu quả.

Trong năm 2024, Tổ chức đoàn công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh tìm hiểu, nghiên cứu thị trường, lĩnh vực như: nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chế biến nông sản tại một số tỉnh vùng Tây Bắc (Lai Châu, Lào Cai, Điện Biên, Sơn La...); du lịch nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tại một số tỉnh miền Tây (Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Long An...); mô hình phát triển kinh tế biển của tỉnh Hải Phòng; kinh nghiệm thu hút đầu tư các dự án trong lĩnh vực du lịch tại tỉnh Lâm Đồng; mô hình KCN - Đô thị - Dịch vụ tại các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hải Phòng; kinh nghiệm

quản lý các cụm công nghiệp tại các tỉnh miền Trung (Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam).

### **Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư**

Quản trị, vận hành trang thông tin điện tử về xúc tiến đầu tư của tỉnh, thường xuyên cập nhật, đăng tải thông tin (Tiếng Việt, tiếng Anh) về môi trường đầu tư, thông tin kinh tế xã hội, các văn bản pháp luật, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, cập nhật các thông tin về PCI, DDCI của tỉnh...

Quảng bá hình ảnh, video, phim tài liệu về tiềm năng thế mạnh của Ninh Bình bằng nhiều cách thức đổi mới, phong phú trên báo, đài truyền hình địa phương và Trung ương; trên youtube; Website của tỉnh...

Tham gia tiếp đón và tổ chức các buổi làm việc với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để hỗ trợ khảo sát, tìm kiếm địa điểm đầu tư; kết nối đầu tư; vận động và xúc tiến kêu gọi đầu tư.

### **Hỗ trợ, hướng dẫn, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư**

Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với các nhà đầu tư nhằm nắm bắt, xử lý kiến nghị của doanh nghiệp hoặc đề xuất các biện pháp giải quyết kịp thời, hướng dẫn xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo thẩm quyền về thủ tục hành chính, về tiếp cận vốn, về điều kiện kinh doanh, quy hoạch, đất đai, thông tin thị trường lao động và kết nối đào tạo nguồn nhân lực... để hỗ trợ doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhất là các dự án lớn, trọng điểm.

Hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư, đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Ninh Bình tổ chức hỗ trợ miễn phí hồ sơ thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp).

### **Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động Xúc tiến đầu tư**

Hệ thống cơ sở dữ liệu được xây dựng và vận hành trên nền tảng công nghệ số, công nghệ 4.0; dữ liệu chi tiết, đầy đủ thông tin đối với từng ngành,



lĩnh vực; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thông tin về: quy hoạch, vị trí, quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, sân bay, cảng biển, điện, nước, viễn thông...), các hình thức hỗ trợ, ưu đãi đầu tư, kết nối đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường, tìm kiếm địa điểm đầu tư vào nông nghiệp nông thôn,...

Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin doanh nghiệp, nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, đã đầu tư và đang hoạt động tại tỉnh; lĩnh vực ngành nghề có khả năng tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, sản xuất các ngành phụ trợ; nhà cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; cập nhật danh sách nhà đầu tư mới, vốn đầu tư, lĩnh vực đăng ký đầu tư nhằm kết nối các hoạt động đầu tư thông qua các tổ chức, hiệp hội trong và ngoài nước để mở rộng các kênh xúc tiến, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư.

#### **Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư**

Rà soát, cập nhật danh mục các dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2024-2025. Khảo sát và xây dựng thông tin chi tiết cho từng dự án gồm: vị trí, kết nối giao thông, mục tiêu, quy mô, công suất dự kiến, thông số kỹ thuật, tổng mức đầu tư, nhu cầu sử dụng đất... Thiết kế, in ấn thành tài liệu để cung cấp cho các nhà đầu tư.

#### **Xây dựng các ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư**

Xây dựng, rà soát, điều chỉnh nội dung các video clip “Ninh Bình - Hội nhập và Phát triển” giới thiệu các tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong thu hút đầu tư; phim tài liệu giới thiệu tiềm năng, môi trường, dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Xây dựng, rà soát, điều chỉnh nội dung các tài liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư: Sách Ninh Bình Hội nhập và Phát triển, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; Quy trình thực hiện thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh; giới thiệu khái quát lịch sử, văn hóa vùng đất con người Ninh Bình... Thiết kế, in ấn tờ rời mã QR để tải tài liệu Xúc tiến đầu tư cung cấp cho các nhà đầu tư.

#### **Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về công tác xúc tiến đầu tư**

Tổ chức đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm, cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn do Bộ, Ngành Trung ương tổ chức với nhiều hình thức

nhằm cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực, kỹ năng đồng thời cập nhật xu thế và cách thức đầu tư mới cho đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư.

### **Hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư**

Phối hợp với Bộ, ngành trung ương, các tổ chức JETRO, KOTRA, Đại sứ quán, các đoàn công tác của các tỉnh thành, doanh nghiệp, Trung tâm xúc tiến đầu tư của các địa phương tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư để quảng bá, kêu gọi đầu tư vào tỉnh; tổ chức Hội nghị thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

### **3.2.5. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư**

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư; xây dựng quy chế phối hợp quản lý dự án đầu tư ngoài ngân sách giữa các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư từ bước thẩm định cấp phép đầu tư đến bước chấm dứt hoạt động dự án; quy định chế độ kiểm tra, thanh tra, giám sát gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị có liên quan, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác thu hút và quản lý dự án đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý thông tin các dự án đầu tư khi đi vào hoạt động và thực hiện nghĩa vụ tài chính; nâng cao chất lượng công tác theo dõi, thống kê, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các nhà đầu tư, doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường. Đối với các dự án đầu tư chậm triển khai theo tiến độ cần đôn đốc và giám sát thường xuyên; giải quyết các vướng mắc, khó khăn gây ra chậm triển khai dự án của nhà đầu tư. Kiên quyết chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án không triển khai hoặc vi phạm quy định của pháp luật, không thực hiện đúng các cam kết về đầu tư và các lĩnh vực có liên quan khi đã có văn bản kiểm tra đề nghị khắc phục sai phạm. Có cơ chế kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chuyển nhượng dự án, góp vốn, mua cổ phần, vốn góp, không để xảy ra tình trạng “đầu tư chui”, “đầu tư núp bóng” làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, môi trường đầu tư của tỉnh.

## KẾT LUẬN

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là một chủ trương lâu dài và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, nó đã và đang tác động tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng. Bởi vì nguồn vốn này không chỉ chiếm tỷ trọng đáng kể trong vốn đầu tư xã hội, góp phần quan trọng gia tăng kim ngạch xuất khẩu, đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp và dịch vụ, đóng góp đáng kể vào GDP của tỉnh, tạo ra tác động tổng hợp trong việc tăng năng lực sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ, đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ chuyên gia, các nhà quản lý, công nhân lành nghề, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của nông thôn và thành thị. Trong những năm gần đây, việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ quan là do chính sách thu hút đầu tư của tỉnh chưa thực sự hấp dẫn trong bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt. Do đó, việc nghiên cứu môi trường đầu tư ở Ninh Bình là cần thiết nhằm tìm ra các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút FDI vào tỉnh Ninh Bình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Xuân Anh (2011), *Môi trường đầu tư và tác động của nó đến đầu tư trực tiếp nước ngoài ở tỉnh Hải Dương*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế.
2. Cao Tân Huy (2019), *ngiên cứu các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: nghiên cứu vùng kinh tế Đông Nam bộ*. luận án tiến sỹ học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
3. Phan Thị Quốc Hương (2014), Bài nghiên cứu “*Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chảy vào Việt Nam*” luận án Tiến sỹ trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Bạch Nguyệt, Nguyễn Mạnh Cường (2018), “*Đánh giá môi trường đầu tư tại Việt Nam giai đoạn 2012 – 2017 và một số khuyến nghị chính sách*”, Tạp chí Công thương.
5. Nguyễn Quốc Việt (2014), *Đánh giá tác động của chất lượng thể chế cấp tỉnh tới khả năng thu hút FDI vào các địa phương tại Việt Nam*, tạp chí Khoa học ĐHQGHN, tập 30, số 1.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, báo cáo kinh tế xã hội 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, 2017, Kế hoạch thực hiện nghị quyết số 01 – NQ/TU ngày 12/8/2016 của Ban thường vụ tỉnh ủy về cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường thu hút vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, 2021, Báo cáo: “*Sơ kết 5 năm thực hiện nghị quyết số 01 – NQ-TU ngày 12/8/2016 của ban thường vụ tỉnh ủy về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*.”
9. Sở Kế hoạch – Đầu tư Ninh Bình , các báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Ninh Bình các năm từ 2018-2022
10. Website Sở Kế hoạch – Đầu tư Ninh Bình: <http://dpi.ninhbinh.gov.vn>



